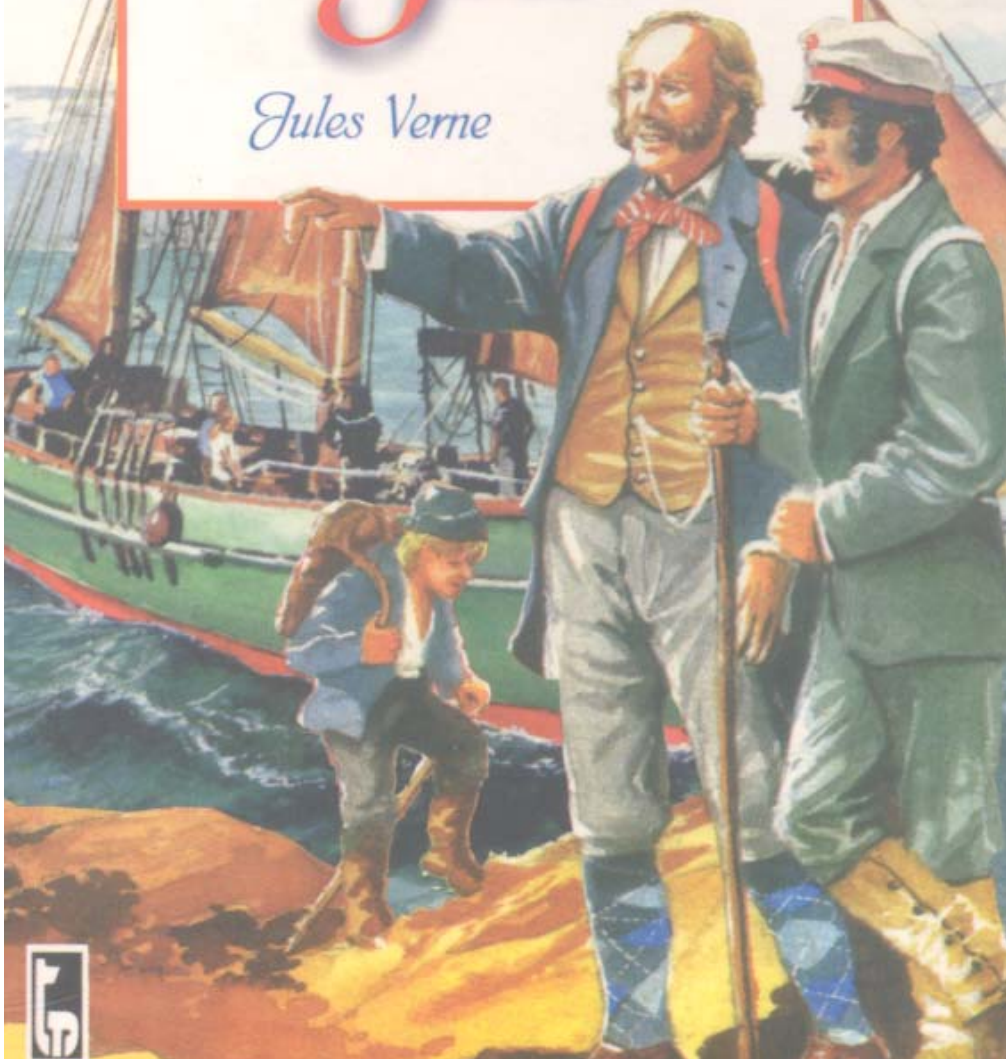


TÁC PHẨM VĂN HỌC CỔ ĐIỂN CHỌN LỌC

Những đứa con của
THUYỀN
TRƯỜNG
Grant

Jules Verne



Tác phẩm văn học cổ điển
CHỌN LỌC

Jules Verne

HỮNG ĐỨA CON CỦA
THUYỀN TRƯỞNG
GRANT

TRỌNG THẢO phỏng dịch

Nhà Xuất Bản THANH NIÊN

1. BA LÁ THỦ CỦA THUYỀN TRƯỞNG GRANT

Ngày 26 tháng bảy năm 1864, một chiếc tàu buồm lộng lầy bằng băng lướt trên sóng Bắc Cực theo hướng gió đông bắc đang thổi mạnh. Chiếc tàu buồm ấy có tên Duncan. Trên cột buồm phất phới lá cờ Anh quốc. Tàu Duncan được chạy thử chưa lâu và giờ đây tàu đang quay trở lại cảng Glasgow.

Trên boong tàu có huân tước Glenarvan với người vợ trẻ là huân tước phu nhân Helena và người anh họ của huân tước, thiếu tá Mac Nabbs.

Nơi chân trời đã hiện rõ đảo Arran. Khi ấy, người thủy thủ trực cho biết có một con cá lạ đang bơi sau tàu Duncan.

- Theo anh đó là con cá gì? - Huân tước hỏi thuyền trưởng.

- Thưa huân tước, tôi nghĩ đây là một con cá mập. - Thuyền trưởng John Mangles đáp.

- Vùng nước này mà có cá mập sao? - Huân tước kêu lên.

- Những con cá mập như thế này thì ở đâu cũng thấy có cả. Nếu như ngài vui lòng

chúng kiến một cảnh săn bắt thú vị, thì chúng ta sẽ có thể nhanh chóng biết đích xác đó là con cá gì?

- Vậy thì ta bắt đầu. - Huân tước nói.

Ông báo cho vợ biết, và huân tước phu nhân Helena rất thích cuộc săn cá hấp dẫn sắp diễn ra đã vội vàng lên ngay phòng hoa tiêu với chồng.

Từ mạn thuyền bên phải, các thủy thủ thả xuống biển một sợi dây câu chắc chắn. Lưỡi câu mắc một miếng thịt heo to làm mồi. Con cá mập háu ăn, mặc dù ở cách xa tàu Ducan, nhưng đã đánh hơi thấy mồi và nhanh chóng đuổi kịp.

Nó đã đến sát lưỡi câu và ngửa mình lên để đớp mồi. Loáng một cái, con cá mập giật mạnh sợi dây và bị mắc lưỡi câu, nó giãy giụa một cách tuyệt vọng nhưng người ta đã nhanh chóng quăng dây thòng lọng xiết cứng đuôi, làm tê liệt hoạt động của nó.

Chẳng mấy chốc con cá to tướng ấy đã bị người ta dùng riu phanh thây. Chiếc lưỡi câu đã lọt xuống tận da dày con cá. Hóa ra cái da dày của nó rộng tuếch. Những người thủy thủ thất vọng đã định quăng con cá mập xuống biển, bỗng viên thuyền phó để ý thấy một vật gì đó bám chặt vào nội tạng con cá.

- Ô, cái gì thế này? - Ông ta kêu lên.

- Chắc nó đã nuốt một mảnh đá để giữ thăng bằng khi bơi. - Một thủy thủ đáp.

- Làm gì có chuyện ấy! - Một thủy thủ khác lên tiếng. - Đó chỉ đơn giản là một miếng mồi chưa kịp tiêu hóa.

- Im đi, các cậu! - Thuyền phó Tom Austin xen vào câu chuyện. - Các cậu không thấy con cá này là một bọm rượu sao? Không để bỏ sót chút gì cả, nó không những đã nóc cạn rượu mà còn nuốt luôn cả cái chai nữa.

- Thì ra là vậy! - Huân tước Glenarvan kêu lên. - Một cái chai trong bụng cá mập?

- Khai nó ra đi Tom, nhưng hãy cẩn thận vì trong những cái chai tìm thấy trên biển thường có những bức thư quan trọng.

Và chẳng bao lâu cái chai đã được để lên bàn trong phòng họp. Mọi người đứng vây quanh bàn.

- Nếu trong chai có giấy tờ gì thì chắc chắn là đã bị hư hại. - Huân tước Glenarvan nhận xét.

- Tôi cũng nghĩ như vậy. - Thiếu tá đồng tình.

- Ta sẽ xem sao. - Glenarvan nói và hết sức thận trọng kéo nút chai ra.

- Có thư! Trong chai có thư! - Huân tước phu nhân Helena reo lên.

- Nhưng, hình như chúng bị ướt và hư hết cả. - Glenarvan nhận xét. - Không thể lôi được những giấy tờ ấy ra, vì chúng đã bị dính chặt vào thành chai.

- Ta đập vỡ chai đi! - Mac Nabbs đề nghị.



Những tờ giấy lấy trong chai ra bị nước biển ăn mờ đến một nửa. Trong số những dòng chữ đã bị xóa chỉ có thể còn đọc rõ được một ít từ. Huân tước Glenarvan bắt đầu nghiên cứu những tờ giấy ấy.

- Trong này, - ông nói, - có ba lá thư khác nhau; có lẽ cùng một nội dung, nhưng được viết bằng ba thứ tiếng Anh, Pháp và Đức. Tôi đoán chắc như vậy sau khi đã đối chiếu các từ còn nguyên vẹn.

- Những từ ấy có thể bổ sung cho nhau được không? - Thiếu tá hỏi.

- Thật ra, - John Mangles góp ý, - nước biển không thể xóa hết các từ ở những vị trí giống nhau trong cả ba bức thư. Ráp những chữ còn nguyên vẹn trong các câu, cuối cùng ta cũng sẽ tìm được nội dung các bức thư ấy.

- Ta sẽ làm như vậy. - Glenarvan nói. - Nhưng mọi việc phải được tiến hành có phương pháp. Ta bắt đầu từ bức thư bằng tiếng Anh. Các dòng và từ trong bức thư này được sắp xếp như sau:

	62	Bri	gow
Sink			Stra
		aland	
Skipp		Gr	
		that monit	of long
and			asistance
	lost		

- Đúng là nghĩa trong thư này không bao nhiêu, - thiếu tá nói với vẻ thất vọng.

- Thư nói về một ông Gr... nào đó, có thể là thuyền trưởng của một tàu bị đắm. - Huân tước Glenarvan lên tiếng.

- Nếu ta thêm vào đó những chữ rời rạc của các từ monit và assistance thì nghĩa hoàn toàn rõ ràng.

- Thiếu những dòng chữ nguyên vẹn làm sao biết được nơi tàu bị đắm? - Thiếu tá hỏi.

- Điều đó chúng ta cũng sẽ biết thôi. - Glenarvan trả lời.

- Chắc chắn như vậy! - Thiếu tá đồng ý, ông ta bao giờ cũng hưởng ứng ý kiến chung. - Nhưng bằng cách nào?

- Bằng cách lấy các bức thư khác bổ sung cho thư này.

Mảnh giấy thứ hai mất nhiều chữ hơn mảnh giấy trước. Trên đó chỉ còn vài từ được sắp xếp như sau:

7 Juni

Glas
Zwei atrosen
graus
bringt ihnen

- Bản này viết bằng tiếng Đức. - John Mangles nói sau khi liếc qua tờ giấy.

- Anh có biết thứ tiếng ấy không, John? - Glenarvan hỏi.

- Tôi rất thạo tiếng Đức.

- Vậy thì anh dịch cho chúng tôi biết mấy từ này có nghĩa là gì?

Thuyền trưởng chăm chú xem xét tờ giấy.

- Trước hết, chúng ta có thể xác định được chính xác thời gian xảy ra nạn đắm tàu là ngày 7 tháng sáu. Khi đối chiếu con số này với số 62 trong bản tiếng Anh ta có thể biết được thời gian chính xác là ngày 7 tháng sáu năm 1862.

- Tuyệt diệu! - Helena mừng rỡ. - Rồi sao nữa John?

- Cũng ở dòng này, tôi thấy từ Glas, mà đối chiếu với từ gow của bản trước, ta có từ Glasgow. Chắc là có ý nói con tàu xuất phát từ hải cảng Glasgow.

- Tôi cũng nghĩ vậy! - Thiếu tá kêu lên.

- Trong bản này hoàn toàn không có dòng thứ hai, - John Mangles nói tiếp, - nhưng dòng thứ ba tôi thấy có hai từ rất quan trọng:

Zwei, tức là hai và atrosen, đúng hơn là Matrosen, nghĩa là thủy thủ.

- Hình như câu chuyện ở đây nói về một thuyền trưởng và hai thủy thủ. - Helena nói.

- Có lẽ như vậy! - Glenarvan đồng tình.

- Tôi không biết phải dịch từ graus tiếp theo như thế nào. May ra bản thứ ba sẽ giải thích cho chúng ta điều đó. Còn hai từ cuối cùng thì có thể hiểu nghĩa một cách dễ dàng, bringt ihnen nghĩa là hãy cứu giúp họ. Nếu ta liên hệ những từ ấy với bản tiếng Anh thì từ assistance cũng ở vị trí tương tự như vậy trên dòng thứ 7 của bản thứ nhất thì sẽ được một câu đồng nghĩa là "Hãy cứu giúp họ".

- Chúng ta hy vọng rằng bản tiếng Pháp sẽ nói rõ hơn. - Helena nhận xét.

- Nào, hãy đọc bản tiếng Pháp, - Glenarvan nói, - tất cả chúng ta đều biết thứ tiếng này, nên điều đó sẽ chẳng khó khăn gì.

Đây, bản sao chính xác bức thư thứ ba như sau:

	Trois	ats	ta. inia
		Gonie	austral
			Abor
Contin	pr	cruel	indi
Jeté			ongit
et 37 ⁰ 11'		lat	

- Bản này có những con số! - Helena reo lên. - Các bạn hãy nhìn xem! Hãy nhìn xem!

- Chúng ta sẽ làm mọi việc theo thứ tự, - Huân tước Glenarvan nói, - và sẽ bắt đầu từ đầu. Cho phép tôi khôi phục lại thứ tự ý của tất cả những từ không đầy đủ và rời rạc ấy. Ngay từ những từ đầu tiên tôi thấy ý thư nói về một chiếc tàu ba cột buồm mà tên của nó nhờ bản tiếng Anh và tiếng Pháp ta đã biết rõ là Britannia. Trong hai từ tiếp theo: gonie và austral thì tất cả chúng ta chỉ mới hiểu được từ thứ hai.

- Thế là đã có một tình tiết quý giá, - John Mangles tuyên bố. - Vậy là tai nạn đắm tàu đã xảy ra ở Nam bán cầu.

- Điều đó chưa được xác định rõ, - thiếu tá nhận xét.

- Tôi tiếp tục, - Glenarvan nói, - từ abor là gốc của từ aborder. Những người bị tai nạn đã tới được bờ biển nào đó. Nhưng ở đâu? Contin có nghĩa là gì? Có phải là lục địa không? Rồi cruel nữa?

- Cruel! - John Mangles kêu lên. - Nghĩa của nó trong tiếng Đức grau là grausam tức tàn bạo!

- Chúng ta tiếp tục! Chúng ta tiếp tục! - Glenarvan nói. Ông ta chăm chú đọc bức thư với sự hứng thú ngày càng tăng lên mãnh liệt

theo mức độ khám phá ra ý nghĩa của những từ dờ dang ấy. - Indi... phải chăng chỗ này ý nói về Ấn Độ, là nơi những người thủy thủ họ có thể bị dạt vào? Còn từ ongít có nghĩa là gì? À! Là longitude. Và đây, vĩ độ thì biết rồi: 37 độ 11 phút. Thế là cuối cùng ta đã có sự chỉ dẫn chính xác!

- Đúng, nhưng chưa có kinh độ, - Mac Nabbs thốt lên.

- Không thể biết ngay tất cả được, thiếu tá thân mến ạ! - Glenarvan nói. - Biết chính xác vĩ độ đâu là chuyện nhỏ? Tôi quả quyết rằng bản tiếng Pháp là bản đầy đủ nhất trong số ba bản. Rõ ràng mỗi bản ấy đều là bản dịch sát nghĩa của bản khác, bởi vì số lượng dòng của bản nào cũng đều giống nhau. Trong trường hợp này ta nên phối hợp ba bản lại, dịch chúng ra một thứ tiếng, rồi sau đó cố gắng tìm ra ý nghĩa đầy đủ nhất, hợp lý nhất và đúng sự thật nhất.

- Chú định dịch ra tiếng nào trong ba thứ tiếng ấy? - Thiếu tá hỏi.

- Tiếng Pháp, - Glenarvan đáp, - bởi vì trong bản tiếng Pháp còn giữ được nhiều từ.

Glenarvan cầm ngay bút và vài phút sau đưa cho các bạn bản dịch của mình. "

Vừa lúc ấy, một thủy thủ xuất hiện. Anh ta báo cáo cho thuyền trưởng biết con tàu

Duncan đang đi vào vịnh Fort of Clyde và xin chỉ thị của thuyền trưởng.

- Ý kiến của ngài thế nào, thưa huân tước? - John Mangles hỏi Glenarvan.

- Hãy cố gắng làm sao đến được Dumarton càng sớm càng tốt. Từ đó huân tước phu nhân Helena sẽ trở về Malcolm Castle, còn tôi sẽ đi London xuất trình bức thư này với bộ tư lệnh hải quân. Bây giờ các bạn của tôi ơi! Chúng ta tiếp tục công việc nghiên cứu của mình.

- Mọi người đều sẵn sàng cả, anh Edward thân yêu ạ! - Helena đáp.

- Trước hết, - Glenarvan nói tiếp, - chúng ta chia bức thư ra làm ba phần: thứ nhất là những gì chúng ta đã biết, thứ hai là những gì chúng ta phỏng đoán, và cuối cùng là những gì chưa thể biết. Chúng ta biết được gì rồi? Chúng ta biết được rằng ngày 7 tháng sáu năm 1862, chiếc tàu ba cột buồm Britania xuất phát từ cảng Glasgow đã gặp tai nạn. Rồi chúng ta biết được rằng hai thủy thủ và thuyền trưởng đã viết thư này bỏ xuống biển ở vĩ độ 37^o11' và họ yêu cầu được cứu giúp.

- Hoàn toàn đúng vậy, - thiếu tá đồng ý.

- Chúng ta có thể phỏng đoán điều gì? - Glenarvan tiếp tục. - Trước hết là tai nạn xảy ra trong vùng biển Nam bán cầu và ở đây tôi

xin lưu ý các bạn về những chữ bị gián đoạn của từ gonie. Phải chăng đó là lời chỉ dẫn về một tên nước?

- Patagonia! - Helena reo lên.

- Có lẽ là như vậy.

- Tốt lắm! Chúng ta tiếp tục những điều phỏng đoán. Hai thủy thủ và thuyền trưởng abor... đã đến được đâu? Đến contin... đất liền. Tôi lưu ý các bạn điều này. Họ đã vào được đất liền, chứ không phải lên đảo. Số phận của họ ra sao? May thay, hai chữ pr. nói với chúng ta về điều đó. Thật là những người tội nghiệp! Họ đã pris onniers, (bị bắt làm tù binh). Nhưng làm tù binh của ai? Của cruel indiens - những người da đỏ hung ác. Điều đó đã đủ sức thuyết phục các bạn chưa? Phải chăng nội dung bức thư còn chưa rõ?

Sau một phút yên lặng, huân tước phu nhân Glenarvan nói tiếp:

- Các bạn của tôi ơi, tất cả những điều phỏng đoán ấy tôi cảm thấy đúng như thật. Vậy theo tôi, tai nạn đã xảy ra gần bờ biển Patagonia. Tuy nhiên, nhất định về cảng Glasgow tôi sẽ thăm dò thêm xem tàu Britania đã đi về hướng nào. Khi đó, chúng ta chắc chắn sẽ biết nó có thể bị đắm ở vùng biển ấy không.

- Ô, chúng ta khỏi cần phải đi xa thế, -

John Mangles lên tiếng. - Tôi có nguyên bộ sưu tầm "Báo hàng hải" đây, qua đó chúng ta có thể tìm được những tin tức chính xác nhất.

John Mangles lấy ra tập báo năm 1862 và bắt đầu xem lướt qua. Lát sau, anh ta đọc to lên với vẻ mãn nguyện:

"Ngày 30 tháng năm năm 1862, Peru. Coliao. Nơi đến Glasgow, tàu Britania, thuyền trưởng Grant".

- Grant! - Glenarvan kêu lên. - Phải chăng đó là người Scotland dũng cảm đã định thành lập một vùng di dân mới ở một nơi nào đó trên Thái Bình Dương!

- Đúng, - John Mangles đáp. - Chính là Grant đó đấy. Năm 1861, ông ta đã rời cảng Glasgow trên con tàu Britania và từ đó tới nay biệt vô âm tín.

- Bây giờ thì không còn nghi ngờ gì nữa! - Glenarvan nói. - Đúng là ông ta rồi! Tàu Britania đã rời cảng Coliao ngày 30 tháng năm, nhưng ngày 7 tháng sáu, sau khi rời cảng được một tuần, nó đã bị nạn gần bờ biển Patagonia. Và đây, từ những chữ rời rạc tưởng như khó hiểu này chúng ta đã biết được toàn bộ lai lịch của nó. Các bạn của tôi ơi, các bạn có thấy không, chúng ta đã đoán ra được nhiều điều! Bây giờ chỉ còn một điều chưa thể biết đó là kinh độ - chỉ có bấy nhiêu thôi.

- Nhưng điều đó ta có cần đâu? - John Mangles tuyên bố, - vì đã biết được tên nước và vĩ độ, nơi xảy ra tai nạn rồi. Tôi bảo đảm sẽ tìm được nơi ấy.

- Thế nghĩa là chúng ta đã rõ hết mọi điều? - Helena hỏi.

- Đúng vậy, em thân yêu ạ, và anh có thể khôi phục lại những chữ đã bị nước biển xóa nhòa với mức độ chính xác hệt như chính thuyền trưởng Grant đọc cho anh viết vậy.

Huân tước Glenarvan lại cầm bút và vũng tin viết những dòng sau:

“Ngày 7 tháng sáu năm 1862, con tàu Britania xuất phát từ cảng Glasgow đã bị đắm tại gần bờ biển Patagonia, Nam bán cầu. Hai thủy thủ và thuyền trưởng Grant lên được bờ và sẽ bị những người da đỏ hung dữ bắt làm tù binh. Họ đã bỏ thư này ở kinh độ... và vĩ độ 37^o11'. Hãy cứu giúp họ, nếu không họ sẽ chết”.

- Tuyệt! Tuyệt lắm, Edward ạ! - Helena thốt lên. - Và nếu như những người bất hạnh ấy được thấy lại quê hương mình, thì họ sẽ biết ơn anh với niềm hạnh phúc đó!

- Họ sẽ nhìn thấy quê hương! - Glenarvan đáp. - Bức thư này đã rõ ràng và đích xác đến mức nước Anh không thể không cứu ba đứa con của mình bị dạt vào bờ biển hoang vu.

Tàu Duncan đã về gần cảng, chạy qua Greenok và thả neo tại Dumbarton. Huân tước Glenarvan ôm hôn người vợ trẻ, rồi vội vã ra ga đáp xe lửa đến cảng Glasgow.

Nhưng trước khi đi, ông đã tranh thủ sử dụng phương tiện thông tin nhanh nhất và chỉ vài phút sau phòng điện báo đã chuyển đến các tòa soạn tờ "Times" (Thời Báo) và tờ "Morning chronicle" (Thời sự buổi sáng) thông báo như sau:

"Về số phận của chiếc tàu ba cột buồm Britania xuất phát từ cảng Glasgow và thuyền trưởng Grant, hãy liên hệ với huân tước Glenarvan ở Malcolm Castle, Luss, Dumbarton, Scotland".

Ông hy vọng rằng thân nhân của những người sống sót trên tàu Britania sẽ biết được tin này.

2. LÂU ĐÀI MALCOLM

Malcolm là một trong những lâu đài thơ mộng của vùng núi Scotland.

Từ thời xa xưa, lâu đài đã thuộc quyền sở hữu của dòng họ Glenarvan.

Huân tước Glenarvan là người sở hữu một cơ ngơi to lớn mà ông đã dùng để làm việc thiện cho những người nghèo ở chung quanh.

Huân tước 32 tuổi, dáng người cao, nét mặt hơi nghiêm khắc, nhưng đôi mắt lại hiền từ một cách lạ thường. Ông là người chính thống của vùng núi Scotland thơ mộng này. Ông cũng là người dũng cảm, hoạt bát và độ lượng vô cùng.

Huân tước mới lấy vợ được ba tháng nay. Vợ ông, nàng Helena, là con gái của một nhà du lịch nổi tiếng tên là William Tuffnel, một người đã cống hiến đời mình cho khoa học địa lý và cho sự đam mê khám phá.

Cô Helena không thuộc dòng dõi quý tộc, nhưng là người Scotland, mà theo huân tước Glenarvan, điều ấy còn cao quý hơn bất kỳ tầng lớp quý tộc nào, và ông đã kén chọn cô gái tuyệt sắc, dũng cảm quên mình ấy làm người bạn đời.

Đôi vợ chồng trẻ sống hạnh phúc ở Malcolm Castle, giữa khung cảnh tự nhiên kỳ diệu của vùng núi Scotland.

Thế rồi huân tước Glenarvan đã đi London. Vì chuyện liên quan đến việc cứu những người không may bị nạn, nên chuyến đi đột ngột của chồng không làm cho Helena buồn phiền. Nàng chỉ nóng lòng chờ đợi chàng. Bức điện tín nàng nhận được hứa hẹn ngày chàng về không xa nữa.

Tối ngày hôm sau, nàng đang ngồi trong phòng riêng thì viên quản lý Halbert bước vào, hỏi nàng có thể tiếp chuyện với một cô gái trẻ và một chú bé xin gặp huân tước Glenarvan được không?

- Anh mời họ vào đây, Halbert. - Huân tước phu nhân Glenarvan nói.

Viên quản lý đi ra. Vài phút sau, một cô gái trẻ và một chú bé bước vào phòng Helena. Đó là hai chị em. Họ giống nhau đến nỗi không thể ngờ được điều đó. Cô chị tuổi chừng 16 tuổi. Gương mặt xinh xắn của cô có vẻ mệt nhọc. Cô dắt tay một chú bé chừng 12 tuổi. Nét mặt chú trông rất kiên quyết. Dường như chú coi mình là người che chở cho chị. Đúng thế. Hiển nhiên là, nếu ai dám có thái độ coi thường một cô gái, nhất định phải coi chừng chú bé này.

Cô chị đứng trước Helena hơi lúng túng, nhưng Helena đã kịp lên tiếng bắt chuyện với cô ta.

- Cô muốn nói chuyện với tôi phải không?

- Helena hỏi, nhìn cô gái với vẻ khích lệ.

- Bà là huân tước phu nhân Glenarvan ă?

- Cô gái hỏi.

- Đúng rồi.

- Là vợ của chính huân tước Glenarvan ở Malcolm Castle, người đã cho đăng thông báo trên tờ "Times" nói về vụ đắm tàu Britania, phải không ă?

- Phải, phải! - Helena vội vàng đáp. - Thế cô là ai?

- Cháu là con gái của thuyền trưởng Grant, còn đây là em trai của cháu.

- Cô Grant! Cô Grant! - Helena kêu lên, rồi ôm chầm lấy cô gái, và hôn lấy hôn để chú bé.

- Thưa bà, - cô gái hỏi hộp nói, - bà có biết gì về vụ đắm tàu của ba cháu không ă? Liệu có khi nào chúng cháu được gặp ba cháu không? Xin bà nói đi, cháu van xin bà.

- Cháu yêu quý ă, - Helena đáp, - tuy rằng hy vọng rất mong manh, nhưng vẫn còn có khả năng một ngày nào đó các cháu sẽ được gặp lại người cha của các cháu.

- Trời ơi!... - Cô gái kêu lên và không kiềm chế được nữa, cô khóc nức nở.

Còn em trai cô, Robert, lúc ấy lại nồng nhiệt hôn vào tay huân tước Glenarvan.

Khi nỗi xúc động đau thương ban đầu đã qua, cô gái lại hỏi Helena dồn dập hết câu này đến câu khác, và huân tước phu nhân đã kể cho cô nghe về chuyện những bức thư, chuyện con tàu Britania bị đắm ở bờ biển Patagonia, thuyền trưởng và hai thủy thủ thoát nạn đó có lẽ đã được lên bờ và cuối cùng, chuyện bức thư bằng ba thứ tiếng được để trong chai trôi trên biển, kêu gọi mọi người trên thế giới hãy cứu giúp họ.

- Ôi! Người cha tội nghiệp của con! Chú bé Robert nép sát vào chị.

Còn cô Grant thì khoanh tay ngồi nghe không bỏ sót một lời.

- Thế còn bức thư, bức thư đâu, thưa bà? - Cô gái kêu lên khi Helena vừa dứt lời kể.

- Tôi không giữ bức thư ấy nữa, cô bé yêu quý ạ! - Huân tước phu nhân Helena trả lời.

- Bà không còn giữ nữa sao?

- Phải, vì lợi ích của cha cháu, nên huân tước Glenarvan đã phải mang bức thư ấy đi London. Nhưng tôi đã kể cho cô nghe hết nội dung của bức thư và cách mà chúng tôi tìm hiểu nội dung bức thư ấy. Trong số những chữ

rời rạc còn lại trong các câu bị nước biển xóa nhòa, sóng biển còn thương tiếc vài con số. Thật là không may, vẫn chưa biết được ở kinh độ nào...

- Có thể không cần biết ở kinh độ nào cũng có thể tìm được mà! - Chú bé kêu lên.

- Tất nhiên là thế, Robert ạ! - Helena tán thành bất giác mỉm cười trước thái độ kiên quyết ấy của Grant con. - Cô thấy đấy, cô Grant ạ! - Helena quay sang cô gái, - bây giờ thì mọi chi tiết nhỏ nhất trong bức thư cô cũng đều biết rõ như tôi vậy.

- Vâng, thưa bà, nhưng cháu muốn được nhìn thấy nét chữ của cha cháu.

- Biết làm sao bây giờ, có thể ngày mai huân tước Glenarvan sẽ trở về. Có trong tay một bức thư rõ ràng, ngài huân tước đã quyết định trình nó lên bộ tư lệnh hải quân và yêu cầu cho ngay một chiếc tàu đi tìm thuyền trưởng Grant.

- Có thể như thế được sao? - Cô gái thốt lên. - Phải chăng ông bà đã làm điều đó là vì chúng cháu?

- Đúng thế cô ạ, và tôi đang đợi huân tước Glenarvan từng giây, từng phút đây.

- Thưa bà, - cô gái nói với lòng biết ơn và tin tưởng sâu sắc, - mong trời phù hộ cho bà và huân tước Glenarvan.

- Cô bé yêu quý, - Helena trả lời, - chúng tôi không xứng đáng được cảm ơn một chút nào cả; bất kỳ ai ở cương vị chúng tôi cũng đều làm như thế. Còn trong lúc đợi nhà tôi về, dĩ nhiên là các cháu cứ ở lại đây...

- Thưa bà, cháu không dám lạm dụng lòng thương cảm của bà đối với chúng cháu, những người xa lạ đối với bà.

- Những người xa lạ! Không, cháu yêu quý, cả em trai cháu lẫn cháu đều không phải là những người xa lạ trong ngôi nhà này, và tôi nhất định muốn rằng nhà tôi khi trở về sẽ báo cho những đứa con của thuyền trưởng Grant biết cần phải làm gì để cứu cha của chúng.

Không thể từ chối một lời mời chân tình như thế, hai chị em cô Grant đã ở lại Malcolm - Castle đợi huân tước Glenarvan.

Mary và Robert là những đứa con duy nhất của thuyền trưởng Grant. Vợ của ông đã qua đời khi sinh Robert. Trong thời gian những chuyến đi xa ông đã giao con mình cho người chị họ tốt bụng chăm sóc.

Công việc của ông thuận buồm xuôi gió và, sau khi sinh đứa con trai được mấy năm, ông đã có được một cơ ngơi nho nhỏ.

Và chính khi đó, trong ông đã nảy sinh ra ý nghĩ khiến ông đã trở thành người lừng

danh khắp chôn Scotland. Theo quan điểm của ông thì những lợi ích của tổ quốc ông không thể phù hợp với những lợi ích của người Anh, và ông quyết định thành lập vùng di dân Scotland lớn trên một hòn đảo ở Thái Bình Dương. Không rõ bằng cách nào ông đã để lộ những hy vọng thầm kín của mình. Dầu sao thì chính phủ Anh cũng đã từ chối việc giúp đỡ ông thực hiện dự án. Hơn thế nữa: chính phủ đã gây cho thuyền trưởng Grant đủ mọi cản trở. Nhưng Harry Grant không chịu khuất phục: ông đã kêu gọi lòng yêu nước của đồng bào, ông đã bán tài sản của mình để lấy tiền đóng chiếc tàu Britania và, sau khi tuyển chọn một đoàn thủy thủ tài giỏi, ông đã cùng họ đi nghiên cứu những hòn đảo lớn trên Thái Bình Dương. Còn các con của mình, ông gửi lại cho người chị họ trông nom. Đó là vào năm 1861. Trong suốt một năm, cho đến tận tháng năm năm 1862, ông vẫn thường xuyên có tin tức. Nhưng từ khi ông rời cảng Collao tháng sáu năm 1862 thì không ai biết tin gì về tàu Britania nữa. Cả tờ "Gazette maritime" (báo Hàng Hải) cũng im hơi lặng tiếng về số phận của thuyền trưởng Grant.

Người chị họ của Harry Grant đột ngột qua đời, thế là các con ông sống một mình bơ vơ. Mary Grant mới 14 tuổi đầu, nhưng đã là cô bé dũng cảm, bị lâm vào tình trạng vất vả

như vậy, nhưng cô không ngã lòng, cô luôn dạy dỗ đứa em trai của mình. Cô biết lo xa, thận trọng, tiết kiệm, suốt ngày đêm quên mình làm việc vì em, giáo dục em và kiên trì đảm nhận phận sự của người mẹ.

Hai đứa nhỏ sống ở Dundee, quyết tâm vật lộn với mọi thiếu thốn. Mary chỉ nghĩ đến em trai và ước mơ tương lai hạnh phúc cho em. Cô bé tội nghiệp đành ninh rằng tàu Britania đã bị đắm và cha không còn nữa. Không sao diễn tả nỗi sự hồi hộp của Mary khi cô tình cờ đọc được thông báo trên tờ "Times" (Thời Báo). Lời thông báo ấy đã đưa cô thoát khỏi nỗi thất vọng mà bấy lâu nay cô đã chịu đựng.

Cô đã kể hết với em trai. Ngay hôm ấy, hai đứa con của thuyền trưởng Grant lên tàu hỏa đi Perth và chiều tối đã đến Malcolm Castle. Và ở đây, sau biết bao nỗi đau khổ về tinh thần, Mary lấy lại được niềm hy vọng.

Hôm sau, khi Mary và Robert vừa thức giấc lúc trời rạng sáng, đang dạo chơi trong sân lâu đài, bỗng có tiếng xe ngựa ồn ào tiến lại gần. Đó là huân tước Glenarvan trở về Malcolm Castle. Bầy ngựa phóng hết tốc lực...

Gần như đúng lúc chiếc xe ngựa dừng lại ở sân, Helena đã kịp ra đón chồng.

Về mặt huân tước đầy nỗi thất vọng. Ông lặng lẽ ôm hôn vợ.

- Thế nào rồi anh Edward? - Helena hỏi.

- Bọn người ấy nhân tâm lắm em ạ! - Huân tước Glenarvan trả lời.

- Họ từ chối à?

- Ừ, họ đã khước từ yêu cầu của chúng ta là cho tàu đi tìm. Họ tuyên bố rằng bức thư đó hoàn toàn tối nghĩa, khó hiểu. Họ nói rằng tai nạn đã xảy ra với những người bất hạnh ấy cách đây hai năm rồi, bây giờ không còn cơ hội để tìm thấy họ. Họ quả quyết rằng những người gặp nạn đã bị những người da đỏ bắt làm tù binh, tất nhiên là đã bị đưa sâu vào đất liền và cũng không nên đi khắp đất nước Patagonia để tìm ba người, lại là ba người Scotland! Họ còn nói những cuộc tìm kiếm mạo hiểm vô ích này sẽ làm hại nhiều người hơn là cứu sống ba mạng người. Tóm lại, họ đã dẫn ra đủ mọi kết luận có thể để khước từ. Họ nhắc đến những dự án của thuyền trưởng và nói rằng Grant đã chết không bao giờ trở về được nữa!

- Ôi! Người cha tội nghiệp của con! - Mary Grant kêu lên và quỳ bên Glenarvan.

- Cha của cô ư? - Huân tước Glenarvan hỏi, ngạc nhiên khi nhìn cô gái đang phục dưới chân mình. - Không lẽ cô là...

- Đúng đấy anh Edward ạ, - Helena xen vào, - cô Mary và em trai Robert là con của thuyền trưởng Grant, đây là những đứa trẻ

mà các ngài ở bộ tư lệnh hải quân vừa mới buộc phải cảnh cô cút.

- Chà, cô là... - huân tước Glenarvan nói, đỡ cô gái đứng lên, - nếu tôi biết cô ở đây thì...

Huân tước không nói hết câu. Sự im lặng nặng nề bao trùm lên sân lâu đài, không ai nói câu nào. Rõ ràng là tất cả những người Scotland này đều cảm phần chính phủ Anh.

Mấy phút sau, thiếu ta hỏi Glenarvan:

- Thế là chúng ta không còn hy vọng gì?

- Không còn gì!

- Biết làm sao bây giờ! Đã vậy thì cháu sẽ đi gặp các ngài ấy! - Chú bé Robert kêu lên. - Rồi sẽ xem sao...

Cô chị không cho em nói hết lời, nhưng bàn tay nắm chặt của chú bé chứng tỏ chú không dễ dàng chịu khuất phục.

- Không, Robert, không! Mary Grant nói. - Chúng ta hãy cảm ơn ông bà chủ lâu đài yêu quý về tất cả những gì đã dành cho chúng ta. Chúng ta sẽ suốt đời không quên điều đó. Rồi chúng ta sẽ đi.

- Mary! - Huân tước Helena kêu lên.

- Cô định làm gì? - Huân tước Glenarvan hỏi cô gái.

- Cháu muốn phục dưới chân nữ hoàng, - cô gái trả lời, - và xem bà ta có để tai nghe lời cầu khẩn cứu giúp của hai đứa trẻ không?

- Mary Grant! - Helena kêu lên. - Khoan đã, đừng đi cháu. Hãy nghe lời tôi đây.

Huân tức phu nhân hồi hộp, rưng rưng nước mắt nói với chồng:

- Anh Edward! Thuyền trưởng Grant khi bỏ thư xuống biển đã phó thác số phận mình cho ai nhận được thư. Thư ấy đã lọt vào tay chúng ta...

- Em muốn nói gì vậy Helena? - Huân tức Glenarvan hỏi.

Mọi người đứng xung quanh đều im lặng.

- Em muốn nói rằng, - Helena tiếp lời, - bắt đầu cuộc sống vợ chồng bằng một việc thiện là một điều hạnh phúc lớn lao! Chính anh đó, anh Edward thân yêu, để làm cho em vui thú, anh dự định một chuyến viễn du giải trí. Nhưng liệu có thấy vui thật không, nếu ích lợi hơn việc cứu những người bất hạnh mà tổ quốc đã khước từ giúp họ không?

- Helena! - Glenarvan kêu lên.

- Vâng, anh hiểu em, anh Edward. Duncan là một chiếc tàu tốt, chắc chắn. Nó có thể dũng cảm bơi đến các biển miền Nam, có thể thực hiện cuộc du lịch vòng quanh thế giới và nó sẽ hoàn thành việc đó nếu cần phải như thế! Hãy lên đường đi, anh Edward! Chúng ta sẽ đi tìm thuyền trưởng Grant.

3. HÀNH KHÁCH PHÒNG SỐ 6

Ngay hôm ấy, huân tước Glenarvan đã ra lệnh cho John Mangles đưa tàu Duncan đến cảng Glasgow và chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho cuộc hành trình đi đến các biển Nam bán cầu - thực chất có thể trở thành cuộc hành trình vòng quanh thế giới.

Đó là một chiếc tàu buồm tuyệt vời chạy bằng hơi nước, trọng tải 210 tấn.

Cần phải nói rằng John Mangles là người am hiểu công việc của mình. Mặc dù anh ta chỉ huy một tàu buồm thôi, nhưng nói chung, anh được coi là một trong những thuyền trưởng tàu buồm giỏi nhất cảng Glasgow. Johnm đã 30 tuổi. Nét mặt anh hơi nghiêm khắc, hiện rõ lòng dũng cảm và nhân hậu. Anh về ở lâu đài Malcolm - Castle từ khi còn nhỏ. Gia đình Glenarvan đã cho anh học hành và đào tạo anh thành một thủy thủ tuyệt vời. Trong một số chuyến đi xa do John Mangles điều hành, anh đã tỏ rõ tài nghệ, nghị lực và tính điềm đạm của mình. Khi Glenarvan giao cho anh chỉ huy tàu Duncan, anh đã vui lòng đảm nhận, bởi vì anh đã yêu quý người chủ lâu đài Malcolm - Castle như

người anh em và tìm cơ hội để bày tỏ lòng trung thành của mình với chủ.

Người giúp việc của John Mangles - Tom Austin - là một thủy thủ lão luyện hoàn toàn đáng tin cậy. Kể cả thuyền trưởng và phó thuyền trưởng, tàu Duncan gồm có 15 người. Tất cả họ, những người thủy thủ dày dặn kinh nghiệm, đều là những người gốc Dumbarton, và là con em các tá điền làm thuê cho dòng họ Glenarvan. Ngay cả ở trên tàu họ cũng vẫn chứng tỏ mình là dòng dõi của những người Scotland can đảm. Như vậy là Glenarvan đã có dưới quyền mình một đoàn thủy thủ trung thành dũng cảm, thiết tha với công việc, có kinh nghiệm, biết sử dụng vũ khí, và thích hợp cho những cuộc phiêu lưu mạo hiểm nhất.

John Mangles trong khi miệt mài lo việc bốc nhiên liệu và lương thực lên tàu Duncan đã không quên việc cần phải bố trí phòng ở cho vợ chồng huân tước trong chuyến đi xa này. Đồng thời anh cũng phải chuẩn bị phòng cho các con của thuyền trưởng Grant - vì huân tước phu nhân Helena không thể không chiều theo yêu cầu của Mary cho cô được đi theo tàu Duncan. Còn Robert, tất nhiên, thà trốn nhanh xuống hầm tàu còn hơn phải ở lại trên bờ. John Mangles đã được giao việc dạy nghề đi biển cho chú.

- Tuyệt quá! - Robert tuyên bố. - Xin thuyền trưởng đừng thương xót cháu và cứ cho ăn roi, nếu cháu làm điều gì không phải.

- Hãy yên tâm về chuyện đó, chú bé của tôi ạ, - Glenarvan nghiêm giọng nói.

Để bổ sung danh sách những người hành khách trên tàu, còn phải kể đến thiếu tá Mac Nabbs. Đó là một người chừng 50 tuổi. Với nét mặt cân đối, trầm tĩnh, hiền hòa và độ lượng. Mac Nabbs bao giờ cũng chấp hành đúng mệnh lệnh, luôn luôn đồng tình với mọi người trong mọi công việc. Ông không bao giờ tranh luận về một việc gì, không tranh cãi với ai, không bao giờ mất bình tĩnh. Ông leo lên thành hầm bị phá sập cũng bình tĩnh như leo cầu thang lên phòng ngủ của mình vậy: không có cái gì, thậm chí bom nổ cũng không thể làm cho ông ta lo âu hoặc đi lệch khỏi đường hướng của ông, và hẳn là cho đến khi nhắm mắt xuôi tay ông cũng không một lần tức giận.

Đó là những hành khách của chiếc tàu buồm mà hoàn cảnh bất ngờ đã khiến họ chấp nhận thực hiện một trong những cuộc thám hiểm kỳ diệu nhất của thời đại.

Ngày đầu Duncan ra khơi, biển không lặng sóng lắm, về chiều gió thổi mạnh hơn, Duncan lắc dữ. Bởi vậy, nhóm phụ nữ không

dám leo lên boong tàu. Họ nằm trên giường trong phòng của mình.

Hôm sau, gió đã đổi hướng được đôi chút. Thuyền trưởng John Mangles ra lệnh kéo buồm lên. Nhờ vậy, Duncan trở nên ổn định, bớt cảm thấy chòng chành hơn. Huân tước phu nhân Helena và Mary sáng sớm đã có thể lên boong tàu, ở đây có mặt huân tước Glenarvan, thiếu tá và thuyền trưởng.

Hành khách trên tàu im lặng chiêm ngưỡng cảnh mặt trời mọc.

- Ôi, thật là một cảnh tượng kỳ diệu! - Cuối cùng huân tước Helena thốt lên. - Mặt trời mọc thế này là hứa hẹn một ngày tuyệt đẹp đây. Chỉ mong sao gió đừng đổi hướng và cứ thuận buồm xuôi gió như thế này!

- Đi biển cô chịu đựng được không Mary?
- Huân tước Glenarvan hỏi.

- Không đến nỗi ạ, thưa huân tước. Cháu cũng sắp quen với biển rồi.

- Thế còn chú Robert thì sao?

- Ô, Robert! - John Mangles nói xen vào. - Nếu chú ta không có ở trong buồng máy thì có nghĩa là đã leo lên cột buồm. Chú bé này chẳng biết say sóng là gì... Xem kìa, chú ta đang ở đâu?

Mọi người chăm chú nhìn theo hướng thuyền trưởng chỉ lên cột buồm trước, Robert

đang vất vả trên ngọn buồm cách boong tàu gần ba mươi mét. Mary bất giác rùng mình.

- Cô hãy yên tâm! - John Mangles nói. - Tôi xin chịu trách nhiệm về chú ấy. Tôi cam đoan với cô rằng, chẳng bao lâu nữa, tôi sẽ trình trước thuyền trưởng Grant một chàng trai cử khôi. Dầu sao chúng ta nhất định sẽ tìm thấy người thuyền trưởng đáng kính ấy.

- Ông John, xin trời phù hộ cho ông! - Cô gái trả lời.

- Cô Mary yêu quý, chúng ta đều hy vọng như thế! - Glenarvan nói. - Mọi việc đều báo hiệu với chúng ta sự thành công. Các bạn hãy nhìn hai cháu đáng yêu này. Các cháu đã tham dự vào việc thực hiện mục đích cao cả của chúng ta. Tôi đã hứa với Helena thực hiện một cuộc du lịch giải trí và tin chắc rằng tôi sẽ giữ đúng lời hứa.

- Edward, anh là người tuyệt diệu nhất! - huân tước phu nhân Glenarvan thốt lên.

- Tuyệt nhiên không phải thế đâu, song anh có một đoàn thủy thủ tuyệt diệu trên một chiếc tàu tuyệt diệu... Nhưng cô Mary này, có lẽ cô lại không thấy thán phục con tàu Duncan của chúng tôi sao?

- Tất nhiên là cháu thán phục chứ, thưa huân tước, - cô gái đáp, - và cháu còn thán phục như một người am hiểu thực sự nữa kia.

- Ra thế đấy!

- Hồi còn bé cháu đã từng chơi đùa trên những con tàu của cha cháu. Cha cháu đã định đào tạo cháu thành thủy thủ. Nhưng bây giờ đây, nếu cần, thì cháu cũng có thể làm việc cuốn buồm được.

- Cô nói gì thế, cô Mary! - John Mangles kêu to lên.

- Nếu vậy thì, - huân tước Glenarvan nói, - với thuyền trưởng John đây, không còn nghi ngờ gì nữa, cô sẽ có một người bạn lớn, bởi vì anh ta coi trọng nghề thủy thủ hơn bất kỳ nghề nào khác trên đời.

- Hoàn toàn đúng thế ạ, thưa huân tước, - chàng thuyền trưởng trả lời. - Tôi phải thừa nhận rằng cô Grant thích hợp với công việc ở mũi tàu hơn là điều khiển buồm. Hơn nữa, tôi rất vui về những lời của cô ấy.

- Nhất là khi cô ấy tỏ ý thán phục Duncan. - Huân tước Glenarvan nói thêm.

- ... Và chiếc tàu hoàn toàn xứng đáng như vậy. - John Mangles trả lời.

Mọi chỗ trên tàu được John Mangles sắp xếp rất tuyệt vời. Ai cũng vừa ý.

- Chúng ta đi dạo chơi trước khi dùng bữa điểm tâm. - Huân tước Glenarvan nói bằng một giọng dương như câu chuyện đang nói đến cuộc đi dạo chơi ở quanh lâu đài. - Tôi hy

vọng rằng khi chúng tôi trở về thì bữa điếm tâm đã được dọn sẵn trên bàn.

- Bác đi với chúng tôi chứ, thiếu tá? - Huân tước phu nhân Helena hỏi Mac Nabbs.

- Ô, thiếu tá đang bị khói thuốc lá quyền rũ. - Huân tước Glenarvan xen vào, - chúng ta sẽ không kéo chú ấy đi được đâu.

Thiếu tá gật đầu tỏ ý tán thành. Còn những người khác đi xuống phòng thủy thủ.

Còn lại trên boong một mình, Mac Nabbs, theo thói quen, vừa lẩm bẩm tự trò chuyện với mình, vừa nhả khói thuốc dày đặc chung quanh. Ông đứng bất động nhìn bọt nước xoáy đằng sau tàu. Sau vài phút im lặng ngắm nhìn như thế, ông quay lại và thấy trước mặt mình một người lạ hành khách ấy là người mà ông hoàn toàn không quen biết.

Đó là một người cao, gầy, tuổi chừng 40. Trông ông giống như một cái đinh dài có mũ. Đầu ông ta tròn và to, trán cao, mũi dài, miệng rộng, cằm nhọn. Đôi mắt ẩn sau những mắt kính tròn to, và cái nhìn bất định đặc biệt của ông chứng tỏ ông rất tinh. Gương mặt ông thông minh và vui vẻ, không thấy có sự lãnh đạm mà một số người cố làm cho ra vẻ quan trọng. Trái lại, tính không câu nệ và sự tự nhiên thoải mái đáng yêu của người lạ này chứng tỏ ông ta biết nhìn thấy trong con người

những cái tốt đẹp. Đồng thời người ta cũng dễ nhận thấy ông thuộc số người vô cùng đáng trí, nhìn mà không thấy, nghe mà không rõ. Người lạ mặt ấy đội nón đi đường, đi đôi giày thô màu vàng và dẹt bằng da. Ông mặc cái quần nhung màu nâu, và áo cũng vậy, nhưng có vô số túi đựng căng phồng: sổ sách, bóp, nói chung tất cả những thứ không cần thiết. Vai ông đeo lưng lẳng một ống kính viễn vọng.

- Đầu bếp đâu? - Người lạ mặt gọi bằng một giọng nước ngoài lơ lớ, rồi bắt đầu đợi.

Không có ai ra cả.

- Đầu bếp đâu? - Ông ta gào to hơn.

Anh chàng Olbinett lúc ấy đang đi xuống bếp ở dưới boong tàu. Không sao nói hết sự ngạc nhiên của anh ta khi nghe thấy một người lạ mặt cao lớn nào đó đang réo gọi anh một cách bất lịch sự như thế.

"Người này ở đâu ra thế nhỉ? - Olbinett nghĩ - Một người bạn nào đó của huân tước chăng? Không thể như vậy được!" Tuy nhiên anh ta vẫn đến gặp người lạ mặt.

- Anh là đầu bếp trên tàu này? - Người lạ mặt hỏi.

- Vâng, thưa ông, nhưng tôi không được hân hạnh...

- Tôi là khách ở phòng số sáu, - người lạ mặt không để cho Olbinett nói hết câu.

- Phòng số sáu? - Olbinett hỏi lại.

- Phải, thế anh tên gì?

- Olbinett.

- Thế này nhé, anh bạn Olbinett của tôi ơi, - người lạ mặt phòng số sáu nói. - Cần phải nghĩ đến bữa ăn sáng đi, đừng để quá lâu nữa. Đã 36 tiếng đồng hồ rồi tôi chưa có gì vô bụng cả, nói cho đúng hơn là tôi đã ngủ 36 giờ liền, đó là điều có thể tha thứ cho một người đã đi một mạch từ Paris đến Glasgow. Anh làm ơn cho biết ở đây mấy giờ ăn sáng?

- Chín giờ, - Olbinett trả lời như cái máy.

- Bây giờ chưa tới tám giờ à? Vậy thì, Olbinett, anh đem tạm cho tôi ít cái bánh quy và một ly sherry, tôi sắp chết vì kiệt sức đây!

Olbinett nghe nhưng không hiểu gì cả, còn người lạ mặt thì cứ thao thao bất tuyệt, liến thoắng hết chuyện nọ đến chuyện kia.

- Nay, thế thuyền trưởng đâu? Ông ta chưa ngủ dậy à? Còn người thuyền phó của ông ta? Sao, ông ta cũng đang ngủ à? - Người lạ mặt nói huyền huyền. - May quá, thời tiết tốt, gió thuận, tàu chạy êm.

Đúng lúc ông ta nói như vậy thì John Mangles xuất hiện trên cầu thang tầng lái.

- Thuyền trưởng đó, - Olbinett thông báo.

- Ôi, tôi hết sức vui mừng! - Người lạ mặt

thốt lên. Tôi rất vui sướng được làm quen với ngài, thưa thuyền trưởng Burton.

John Mangles kinh ngạc không phải vì người ta gọi anh là thuyền trưởng Burton mà là vì anh ta đã thấy một người lạ mặt trên tàu của mình.

- Thưa ngài, tôi không những không phải là họ hàng của nhà du hành Burton, mà cũng không phải là thuyền trưởng Burton, - John Mangles trả lời.

- À... à... - Người lạ mặt kéo dài giọng. - Vậy nghĩa là tôi đang nói chuyện với ngài Burdness, trợ lý của thuyền trưởng Burton?

- Ngài Burdness nào? - John Mangles hỏi.

Anh đã bắt đầu đoán được chuyện gì đã xảy ra, chỉ có điều chưa thể biết rõ người đứng trước mặt anh là ai, một người điên hay một người quái gở nào?

Chàng thuyền trưởng trẻ xác định ngay điều ấy mà không cần phải nói loanh quanh, nhưng trên boong tàu đã xuất hiện huân tước Glenarvan, vợ ông và Mary.

Trông thấy họ, người lạ mặt kêu lên:

- A, hành khách, hành khách! Tuyệt quá! Tôi hy vọng rằng, thưa ngài Burdness, ngài hãy vui lòng giới thiệu tôi..

- Huân tước Glenarvan đó, - John Mangles giới thiệu.

- Thưa ngài huân tước, - người lạ mặt nói tiếp, - xin ngài tha lỗi cho tôi về chuyện tôi đã mạo phép đến trình diện trước ngài. Nhưng ở trên biển, tôi cảm thấy rằng có thể bỏ qua phần nào nghi thức xã giao. Tôi hy vọng chúng ta sẽ nhanh chóng làm quen với nhau, và được đi cùng với quý cô, quý bà đây, thì cuộc du hành của chúng ta trên tàu Scotland sẽ vừa thân thiết lại vừa thú vị.

Cả huân tước phu nhân, lẫn cô Mary đều không biết đối đáp ra sao. Họ không thể hiểu nổi người lạ mặt này đã làm cách nào lên được boong tàu Duncan.

- Thưa ông, - huân tước quay về phía người lạ mặt, - tôi đang được hân hạnh tiếp chuyện với ai đây?

- Với Jacques Eliacin Francoi Marie Paganel, thư ký hội địa lý Paris, viện sĩ thông tấn các Hội địa lý Berlin, Bombay, Darmstadt, Leipzig, London, Peterbourg, Vienne, New York, đồng thời là hội viên danh dự của Viện địa lý và dân tộc học hoàng gia miền đông Ấn Độ. Ông đang thấy trước mắt mình một người đã hai mươi năm nghiên cứu địa lý mà không hề bước ra khỏi phòng làm việc. Cuối cùng, đã quyết định chuyển sang nghiên cứu bằng thực tế và giờ đây đang đi sang Ấn Độ để liên kết các công trình

ngiên cứu của các nhà du hành vĩ đại thành một mối thống nhất.

Rõ ràng ông thư ký của Hội địa lý là một người có sức hấp dẫn, bởi vì tất cả những điều ấy đã được ông nói ra một cách hết sức tự nhiên. Và lại, bây giờ huân tước đang biết rất rõ ông đang có mối quan hệ với ai, tên tuổi và công lao của Jacques Paganel đã quá quen thuộc đối với ông. Những tác phẩm của ông ta về địa lý, những báo cáo về những phát hiện mới nhất in trong các tập san của Hội, việc trao đổi thư từ của ông hầu như ở khắp thế giới. Tất cả những điều đó đã làm cho Paganel trở thành một trong những nhà bác học nổi tiếng nhất nước Pháp. Do đó, Glenarvan đã nồng nhiệt đưa tay ra cho người khách bất ngờ gặp gỡ bất.

- Bây giờ chúng ta đã quen biết nhau rồi, - huân tước nói, thưa ngài Paganel, ngài cho phép tôi hỏi ngài một câu được chứ?

- Hai mươi câu cũng được, thưa huân tước, - Jacques Paganel đáp, - tôi luôn luôn sẵn sàng nói chuyện với ngài.

- Ngài đã lên tàu này tối ngày hôm kia?

- Vâng, thưa huân tước, tám giờ tối ngày hôm kia. Tôi đã từ tàu hỏa nhảy xuống ga, và từ ga nhảy lên tàu Scotland, mà từ Paris tôi

đã đặt mua vé phòng số sáu. Hòm ấy trời tối đen. Tôi không gặp ai trên boong tàu cả. Vì mệt mỏi sau ba mươi tiếng đồng hồ đi đường, hơn nữa, biết rằng để khỏi bị say sóng, tốt nhất là lên tàu thì đi nằm ngay, nên tôi đã ngủ suốt ba mươi sáu tiếng đồng hồ qua!

Bây giờ thì mọi người đã hiểu Jacques Paganel xuất hiện trên tàu này như thế nào. Nhà du hành người Pháp đã lên nhằm tàu Duncan trong lúc mọi người đi lễ ở nhà thờ. Thế là mọi chuyện đã rõ ràng.

- Vậy là, thưa ngài Paganel, ngài đã chọn Calcutta làm điểm xuất phát cho cuộc thám hiểm của ngài phải không? - Huân tước hỏi.

- Vâng, thưa huân tước. Suốt đời mình, tôi chỉ ước mơ được nhìn thấy Ấn Độ. Và cuối cùng mơ ước ấy đang được thực hiện, tôi sắp đặt chân lên xứ sở của voi.

- Nghĩa là, thưa ngài Paganel, ngài không thể chấp nhận việc đáng lẽ đi đến nước này, mà lại buộc phải đi đến nước khác, phải không?

- Vâng, tôi có công vụ, tôi được giao nhiệm vụ thực hiện một chuyến du hành bổ ích và thú vị. Kế hoạch cuộc du hành đã được nhà bác học là bạn đồng nghiệp của tôi, ngài Vivien de Saint Martin khởi thảo. Theo kế hoạch đó, tôi phải lần theo dấu tích của anh

em Schlagin - Weit, đại tá Gabet de Moorcrof, de Jules Remy và nhiều nhà du hành nổi tiếng khác. Tôi muốn đạt được điều mà chẳng may nhà truyền giáo Crick đã không thực hiện được vào năm 1846, tức là khảo cứu dòng chảy của sông Yarou - Dzangbo - Tchou, bắt nguồn từ dãy Himalaya, tưới mát cho Tây Tạng trên suốt chiều dài 1.500 kilômét. Tôi muốn cuối cùng phải làm sáng tỏ một điều: con sông ấy có hòa cùng dòng với sông Brahmapoutre ở phía Đông Bắc tỉnh Assam không? Chỉ cần nhà du hành nào giải đáp được câu hỏi quan trọng nhất ấy đối với khoa địa lý của Ấn Độ, người đó tất nhiên sẽ được thưởng mề đay vàng.

Paganel là một người đáng khâm phục. Ông ta nói với sự hăng say đặc biệt, cứ thế tuôn ra theo trí tưởng tượng, không gì có thể ngăn được ông ta nói.

- Thưa ngài Jacques Paganel, - huân tước lên tiếng. - Khỏi phải tranh cãi, đó là một cuộc du hành tuyệt vời, và khoa học sẽ biết ơn ngài về cuộc hành trình ấy. Nhưng tôi không muốn để ngài bị lạc xa hơn, vì vậy thấy cần phải nói ngay rằng, trong thời gian trước mắt có lẽ ngài đành phải từ bỏ thú vui đến thăm Ấn Độ.

- Từ bỏ ư? Vì sao?

- Tại vì, ngài đang đi hướng ngược hẳn với Ấn Độ.

- Sao lại thế, thưa ngài thuyền trưởng Burton...?

- Tôi không phải là thuyền trưởng Burton, - John Mangles lên tiếng.

- Nhưng, Scotland..

- Đây không phải là tàu Scotland.

Nỗi kinh ngạc của Paganel không sao tả xiết. Ông lần lượt nhìn huân tước Glenarvan lúc ấy vẫn giữ vẻ trịnh trọng, huân tước phu nhân Helena và cô Mary, nét mặt hiện rõ vẻ buồn rầu và sự thông cảm, John Mangles mỉm cười, thiếu tá điềm đạm. Rồi nhà bác học nhún vai, kéo xệ mục kính trên trán xuống mũi, kêu lên:

- Sao lại có chuyện đùa như thế này!

Nhưng đúng lúc ấy, mắt ông đã dừng lại nơi tay lái và đọc được dòng chữ để "Duncan Glasgow".

- Duncan! - Paganel thét lên trong nỗi thất vọng, rồi sau đó chạy xuống cầu thang, về thẳng phòng mình.

Khi nhà bác học rủi ro vừa biến mất, không ai trên tàu trừ thiếu tá, có thể nhìn được cười. Cả các thủy thủ cũng cười rộ lên.

- Tuy nhiên, trường hợp ấy đối với

Jacques Paganel không làm tôi ngạc nhiên, - huân tước Glenarvan nhận xét. - Ông ta vẫn nổi tiếng với những điều rủi ro như vậy đây. Có lần ông đã cho in một bản đồ châu Mỹ tuyệt diệu, trong đó khéo léo vẽ cả nước Nhật. Nhưng tất cả điều đó không ngăn trở ông ta thành nhà bác học xuất sắc và là một trong những nhà địa lý giỏi nhất nước Pháp.

Vừa lúc ấy, Paganel, sau khi biết chắc hành lý của mình còn nguyên vẹn trên tàu, lại trèo lên boong, ông đến gặp huân tước Glenarvan.

- Thế tàu Duncan này đi đâu? - Ông hỏi.

- Đi Concepcion. - Thưa ngài Paganel.

- Đi Chili! Đi Chili! - Nhà bác học rủi ro kêu lên. - Còn cuộc thám hiểm của tôi lại đi Ấn Độ... Bây giờ làm sao tôi có thể đến dự cuộc hội nghị của Hội vật lý được?

- Đừng thất vọng thưa ngài Paganel, - Glenarvan bắt đầu an ủi ông. Tất cả những chuyện ấy đều có thể kết thúc đối với ngài mà không phí mất bao nhiêu thời gian đâu. Còn con sông Yarou - Dzangbo - Tchou vẫn sẽ đợi ngài ở vùng núi Tây Tạng. Chúng ta sắp ghé lại đảo Madère và đến đó ngài sẽ chuyên tàu quay trở lại châu Âu.

- Tôi vô cùng cảm ơn ngài huân tước, - Paganèl đáp. - Tôi xúc động sâu sắc trước tấm

lòng của ngài. Nhưng ngài cho phép tôi được nói lên điều suy nghĩ đơn giản của tôi như sau: Ấn Độ là một đất nước tuyệt diệu, đầy bất ngờ kỳ lạ đối với khách du lịch. Chỉ cần người lái tàu ngoặt tay lái là Duncan sẽ chạy theo hướng Calcutta cũng dễ dàng như đi Concepcion, mà cuộc hành trình lại vui thú biết bao. Tôi cảm thấy rằng Duncan là chiếc tàu buồm để dạo chơi.

Nhưng, trông thấy Glenarvan lắc đầu không đồng ý, Paganel im ngay.

- Thưa ngài Paganel, - huân tước phu nhân Helena nói, - nếu đây là một chuyến đi du hí thì tôi sẽ không ngần ngại trả lời ngài ngay rằng: "Nào, tất cả chúng ta sẽ cùng nhau đi Ấn Độ". Nhưng vấn đề là Duncan cần đi châu Mỹ để tìm cứu những người bị nạn ở vùng bờ biển Patagonia, đưa họ về nước, vì vậy nó không thể từ bỏ một mục đích nhân đạo như thế.

Mấy phút sau, nhà du hành người Pháp đã hiểu cặn kẽ sự việc. Ông không nén nổi hỏi hớp khi nghe nói về việc tìm thấy lá thư trong cái chai, về thuyền trưởng Grant và lời đề nghị đầy lòng độ lượng của huân tước phu nhân Helena.

- Thưa quý bà, - nhà bác học nói với Helena, - cho phép tôi được bày tỏ lòng khâm

phục vô hạn đối với hành vi cao cả của bà. Xin bà cứ cho tàu tiếp tục cuộc hành trình của nó. Tôi không thể tha thứ cho mình nếu làm tàu chậm trễ dù chỉ một ngày.

- Vậy ngài có muốn đi cùng với đoàn thám hiểm chúng tôi không? - Huân tước phu nhân hỏi.

- Không thể như vậy được, tôi phải hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tôi sẽ rời tàu ngay ở bên đờ đầu tiên.

Mọi người đã cố gắng thuyết phục nhà địa lý tham gia cuộc thám hiểm. Huân tước phu nhân Helena nói:

- Thưa ngài Paganel, xin ngài hãy nhân danh nước Pháp chia sẻ với xứ sở Scotland niềm vinh dự tham gia cuộc thám hiểm này.

- Vâng, tất nhiên rồi!

- Nhà địa lý rất cần cho cuộc thám hiểm của chúng tôi. Có gì đẹp bằng đem khoa học phục vụ con người.

- Các bạn của tôi, các bạn muốn biết tôi đang nghĩ gì phải không? - Paganel hỏi. - Các bạn rất muốn tôi ở lại đây, đúng không?

- Chính ngài, Paganel ạ, ngài cũng hết sức muốn ở lại, - Glenarvan đối đáp.

- Muốn lắm chứ! - Nhà bác học kêu lên. - Nhưng tôi sợ quấy rầy các bạn thôi.

Mọi người trên tàu đều lấy làm phẫn khởi

khi hay tin về quyết định của Paganel. Chú bé Robert hứng chí đến mức nhảy bổ đến ôm lấy nhà bác học, khiến ngài thư ký đáng kính của hội địa lý suýt té nhào.

- Thằng bé lanh lợi dữ! - Paganel nói. - Tôi sẽ dạy cho chú ta học địa lý.

Bởi vì John Mangles đã đảm nhận dạy Robert nghề đi biển, Glenarvan dạy chú trở thành con người dũng cảm, thiếu tá dạy chú làm người điềm đạm, huân tước phu nhân Helena dạy chú trở thành con người nhân hậu và độ lượng, còn Mary Grant thì dạy em biết ơn tất cả những người như vậy, nên nhất định là Grant con phải trở thành một người hoàn hảo.

Mọi việc diễn ra tốt đẹp, ai nấy đều tin tưởng cuộc thám hiểm sẽ thành công. Dường như mỗi ngày triển vọng tìm thấy thuyền trưởng Grant càng tăng thêm. Có lẽ chính thuyền trưởng tàu Duncan là người tin tưởng hơn ai hết vào sự thành công ấy. Phải chăng niềm tin của chàng chủ yếu bắt nguồn từ lòng thiết tha mong muốn cho cô Mary được an ủi và hạnh phúc. John Mangles đã dành cho cô gái ấy những tình cảm đặc biệt mà chàng giấu không khéo nên mọi người trên tàu Duncan, trừ Mary và bản thân chàng, ai cũng nhận thấy cả. Còn về nhà bác học địa lý thì chắc chắn ông là người hạnh phúc nhất ở

Nam bán câu này. Suốt mấy ngày ròng rã, ông nghiên cứu bản đồ địa lý trải trên bàn trong căn phòng chung. Ngoài ra, Paganel đã tìm được ở chỗ người thuyền phó cả một chồng sách lẻ tẻ, trong đó có những sách viết bằng tiếng Tây Ban Nha, là tiếng phải nói rằng trên tàu không ai biết cả. Biết được tiếng đó, nhà địa lý sẽ không phải gặp những khó khăn trong việc nghiên cứu vùng duyên hải Chili. Dựa vào những khả năng về ngôn ngữ của mình Paganel hy vọng đến Concepsion ông sẽ nói thành thạo tiếng Tây Ban Nha.

4. VĨ TUYẾN BA MƯỜI BẢY

Một tuần sau khi đi vòng quanh mũi Pílares, Duncan chạy hết tốc lực vào vịnh Talccahuano - một cửa biển tuyệt vời dài 12 hải lý và rộng 9 hải lý. Thời tiết rất tốt. Ở vùng này từ tháng mười một đến tháng ba, trời không gợn một bóng mây, dọc hai bên bờ lúc nào cũng hây hây gió nam. Theo lệnh của huân tước Glenarvan, John Mangles cho tàu chạy ven bờ quần đảo Chili và những đảo khác thuộc vùng châu Mỹ này. Con tàu tiếp tục cuộc hành trình và cuối cùng, sau bốn mươi hai ngày rời bến nước Fort of Clyde mù sương, nó đã thả neo ở cảng Talcahuano.

Ngay tức khắc, Glenarvan cho hạ thủy chiếc xuồng, rồi ngồi vào đó cùng Paganel. Chẳng mấy chốc hai người đã vào đến đập chắn sóng ghép bằng những cây gỗ.

- Ta đi đến sở hải quan, - Glenarvan quyết định.

Viên lãnh sự vương quốc Anh tiếp huân tước Glenarvan rất trọng thể. Ông ta đồng ý tiến hành thăm dò dấu tích thuyền trưởng Grant trên toàn bộ vùng duyên hải.

Viên lãnh sự Bentock không biết gì về

chiếc tàu ba cột buồm Britania bị mất tích ở vĩ tuyến 37, vùng duyên hải Chili hoặc Araucanie. Không có tin tức gì tương tự như vậy được chuyển đến ông ta, cũng như những đồng nghiệp của ông - các lãnh sự nước khác. Tuy nhiên, điều đó không làm Glenarvan thất vọng. Ngài huân tước trở lại Talcahuano. Ông không tiếc sức, tiếc tiền cho người đi thăm dò khắp vùng duyên hải. Thật là phí công, những cuộc dò hỏi cặn kẽ dân vùng biển đã không đem lại kết quả gì. Điều đó chứng tỏ Britania sau khi bị nạn đã không để lại dấu tích nào.

- Jacques Paganel lại bắt tay nghiên cứu bức thư, ông xem xét cẩn thận nó.

Mọi con mắt đổ dồn về phía nhà địa lý.

- Tôi muốn nói rằng thuyền trưởng Grant hiện bị bọn da đỏ bắt giữ, - Paganel nói rành rọt từng tiếng, - và xin nói thêm là bức thư không để lại sự nghi ngờ nào về điều ấy cả.

- Xin ông Paganel hãy giải thích giùm cho. - Cô Grant yêu cầu.

- Không có gì dễ hiểu hơn, cô Mary thân mến thay vì đọc là "họ sẽ bị bắt", cần phải đọc là "họ đã bị bắt" và khi đó mọi điều sẽ rõ ràng cả.

- Nhưng không thể như thế được! - Glenarvan kêu lên.

- Không thể? Nhưng tại sao? Ông bạn kính mến của tôi? - Paganel mỉm cười hỏi.

- Tại vì cái chai chỉ có thể bỏ được xuống biển khi con tàu bị va phải đá ngầm. Từ đó đi đến kết luận rằng những vĩ độ và kinh độ viết trong thư chỉ nơi bị nạn.

- Điều đó chưa được minh chứng! - Paganel bác lại một cách linh hoạt. - Tại sao những người bị nạn lại không thể có ý định dùng cái chai này để báo tin cho mọi người biết rằng họ đã bị những người da đỏ bắt đưa sâu vào đất liền và hiện giờ họ đang ở đâu.

- Vì một lý do đơn giản thôi, ngài Paganel thân mến! Muốn bỏ chai xuống biển đâu sao cũng phải ở biển mới bỏ được chứ!

- Hoặc nếu không ở biển thì ở sông chảy ra biển cũng được chứ sao?

- Tôi cho rằng cần phải tìm ra nơi vĩ tuyến 37 độ cắt ngang qua châu Mỹ, rồi lần theo đó, không được lệch tới nửa độ, đi đến nơi vĩ tuyến ấy băng ra Đại Tây Dương. Đi theo tuyến đường này chúng ta có thể tìm được những người bị nạn của tàu Britania.

- Các bạn hãy nhìn đây, - ông nhắc thêm, - và hãy theo tôi đi thăm châu Mỹ. Chúng ta băng qua dãy đất hẹp Chili, trèo qua dãy núi Andes, đi xuống các thảo nguyên vùng Nam Mỹ. Ở vùng này đâu có ít sông ngòi? Trái lại

đây là sông Rio Negro, đây là sông Tio Colorado, đây là các chi lưu của chúng. Tất cả các sông ngòi ấy đều bị vĩ tuyến 37 độ cắt ngang, và tất cả các sông ngòi ấy đều có thể dễ dàng cuốn một cái chai đựng bức thư trôi dạt ra biển. Có thể là ở đây, giữa một bộ lạc người da đỏ nào đó định cư trên bờ một trong những con sông ít ai biết đến đây, trong một khe núi nào đây, có những người mà tôi có quyền gọi là những người bạn của chúng ta đang mòn mỏi trong cảnh giam cầm và chờ đợi một cuộc giải thoát kỳ lạ. Chúng ta có thể nào phụ lòng mong ước của họ không? Lẽ nào các bạn lại không đồng ý với tôi rằng chúng ta cần phải thường xuyên bám sát theo tuyến đường mà ngón tay tôi đang chỉ trên bản đồ đây? Nhưng nếu như, với những giả định của tôi, lần này tôi lại sai lầm, thì lẽ nào tôi lại không đòi hỏi chúng ta bước theo vĩ tuyến 37 độ sao? Và nếu cần phải như vậy, để tìm được những người bị nạn, thì chúng ta cũng sẽ đi vòng quanh thế giới theo vĩ tuyến ấy chứ?

Những lời lẽ độ lượng và đầy nhiệt tình của Paganel đã gây ấn tượng sâu sắc đối với người nghe. Tất cả đều đứng dậy bắt tay ông.

- Thưa ông Paganel! - Mary Grant kêu lên, giọng run run xúc động. - Biết lấy gì cảm tạ ông về đức hy sinh cao cả, khiến ông phải chịu đựng biết bao nỗi gian nguy!

- Gian nguy ư? - Paganel ngạc nhiên. - Ai đã nói ở đây hai tiếng gian nguy ấy nhỉ?

- Không phải cháu! - Robert lên tiếng.

Đôi mắt chú bé ngời sáng và tràn đầy lòng quyết tâm.

- Thưa ngài Paganel, - huân tước phu nhân Helena nói với ông, - nghĩa là ngài cho rằng nếu những người bị nạn sa vào tay người da đỏ, thì họ được bảo mạng?

- Tôi có nói như thế không nhỉ, thưa bà? Nhưng những người da đỏ không ăn thịt người đâu, tuyệt nhiên không..

- Vậy là đã quyết định xong! - Glenarvan tuyên bố. - Cần phải lên đường và đi ngay lập tức. Đường ta đi như thế nào nhỉ?

- Không vất vả lắm và thoải mái thôi, - Paganel đáp.

- Ta nhìn bản đồ xem. - Thiếu tá đề nghị.

- Đây, Mac Nabbs thân mến! Chúng ta sẽ xuất phát từ điểm này trên bờ biển Chili, giữa mũi Rumena và vịnh carnero, nơi vĩ tuyến 37 độ chạy sang châu Mỹ. Bỏ qua dãy Cordilere. Sau đó, ta sẽ men theo các sườn núi thoải thoải đi xuống, băng qua Rio - Colorado và các vùng thảo nguyên, đến hồ Salina, đến sông Guamini, đến vùng Sierra Tapalquen. Tại đây có đường biên giới của tỉnh Buenos - Aires chạy qua. Sau đó chúng

ta sẽ trèo lên dãy Sierra Tandil và tiếp tục cuộc tìm kiếm cho đến mũi Medano trên bờ biển Đại Tây Dương.

Paganel mô tả cuộc hành trình sắp tới, thậm chí không cần phải nhìn vào những tấm bản đồ để trước mặt. Trình bày xong ông nói:

- Như vậy là, các bạn ơi, con đường chúng ta đi khá thẳng. Một tháng sau, chúng ta sẽ đi hết chặng đường ấy và có mặt ở bờ biển phía đông, thậm chí đến sớm hơn cả Duncan nếu nó bị vương gió tây trên đường đi.

- Vậy ngài đã dự tính thành phần đoàn thám hiểm chúng ta như thế nào chưa? - Glenarvan hỏi.

- Thật gọn nhẹ. Bởi vì mục đích của chúng ta là tìm hiểu tình hình thuyền trưởng Grant ra sao? Chúng ta không có ý định ghèngh chiến với những người da đỏ. Tôi nghĩ rằng huân tước Glenarvan sẽ đi. Huân tước đương nhiên là người cầm đầu đoàn của chúng ta, thiếu tá tất nhiên không chịu nhường ai vị trí của mình, người giúp việc trung thành của ngài là Jacques Paganel...

- Cả cháu nữa! - Grant con kêu lên.

- Robert! Robert! - Cô chị ngăn chú lại.

- Tại sao lại không được nhỉ? - Paganel phản đối. - Thanh niên trẻ cần tôi luyện trong các cuộc hành trình. Vậy là chúng ta bốn người và ba thủy thủ tàu Duncan nữa.

- Thế nào? - John Mangles hỏi Glenarvan,
- huân tước không cho tôi đi ư?

- John thân mến, vì trên tàu của chúng ta còn có những hành khách nữ. Đó là của quý nhất trên đời đối với chúng ta. Còn ai có thể chăm sóc họ chu đáo hơn người thuyền trưởng trung thành của tàu Duncan?

John đồng ý, tất cả những ai ở lại đều lên boong tàu, còn bảy người đi bộ cũng đã rời Duncan. Lát sau, họ lên đến bờ.

- Chúc các ông đi đường may mắn và thành công. - Helena nói với họ.

- Thắng tiến! John ra lệnh cho thợ máy.

· - Lên đường! - Huân tước Glenarvan hô to.

5. TRÊN ĐỘ CAO BA NGÀN SÁU TRĂM MÉT

Để chuẩn bị cho cuộc hành trình vượt qua Chili, Glenarvan đã thuê bốn người thổ dân dẫn đường trong đó có ba người đàn ông và một chú bé. Đứng đầu họ là một người Anh đã sống ở nước này trên hai mươi năm. Anh ta hành nghề cho những người du lịch thuê la và dẫn đường cho họ vượt qua núi Cordillère. Sau khi qua khỏi núi, anh ta thường giao lại khách du lịch của mình cho những người dẫn đường gốc Argentina rành đường đi lối lại trên các thảo nguyên Nam Mỹ...

Trên suốt chặng đường đi từ một đại dương này sang một đại dương khác không hề có một quán trọ nào. Thường những người đi đường phải ăn thịt sấy khô, cơm nêm tiêu và muông thú săn bắn được. Ở núi thì uống nước nguồn, còn ở đồng bằng thì uống nước sông.

Chặng đường qua đất Chili cho đến nay chưa xảy ra điều gì đáng kể. Nhưng bây giờ chắc chắn sẽ nảy sinh tất cả những trở ngại và nguy hiểm mà một cuộc hành trình vượt qua núi không thể tránh khỏi.

Glenarvan bám sát người dẫn đường từng

bước... Bỗng đường đi bị một tảng đá dựng đứng chắn ngang. Người dẫn đường, sau khi tìm kỹ lưỡng lối đi khác không được, bèn nhảy xuống la. Glenarvan đi lại chỗ anh ta.

- Anh bị lạc đường rồi phải không? - Glenarvan hỏi.

- Không, thưa huân tước!

- Nhưng, chúng ta không đi đúng hướng Antuco phải không?

- Thưa, đi đúng. Nhưng đường bây giờ không đi được nữa bởi trận động đất mới đây đã làm nghẽn đường rồi. Nếu các ông thấy tiện thì chúng ta quay trở lại, tìm đường khác vượt qua dãy núi Andes.

- Đi vậy thì chậm mất bao lâu?

- Độ ba ngày.

Glenarvan suy nghĩ rồi quay lại hỏi những người cùng đi:

- Có lẽ ta cứ tìm cách tiếp chăng?

- Chúng tôi xin đi theo huân tước. - Tom Austin đáp.

- Chúng ta có thể đi một mình không cần người dẫn đường cũng được. - Paganel nói. - Bởi vì qua bên kia núi là chúng ta lại đi đúng đường đến Abtuco. Tôi bảo đảm dẫn các bạn đi con đường thẳng nhất đến núi Corddilà.

Glenarvan trả đầy đủ các khoản tiền cho

những người dẫn đường và để họ cùng bầy la quay trở lại. Vũ khí, dụng cụ, lương thực được phân ra cho bảy người trong đoàn cùng mang. Mọi người đều nhất trí phải đi ngay. Và họ đã leo núi suốt ngày suốt đêm.

Đoàn người lại tiếp tục về phía đông. Cuộc leo núi khủng khiếp ấy kéo dài thêm hai tiếng đồng hồ nữa. Họ quyết leo lên tận đỉnh núi. Không khí loãng làm cho những người thám hiểm thấy ngạt thở muốn bệnh, lợi và răng bị chảy máu. Để tăng cường sự tuần hoàn của máu, họ phải thở gấp, mà như vậy thì mệt chẳng kém gì ánh tuyết làm cho họ chói mắt. Dù cho sức mạnh ý chí của những con người dũng cảm ấy to lớn đến đâu, họ cũng đã mệt như rồi. Cơ chónng mặt, tai họa ở vùng núi cao ấy, làm cho họ không những mất thể lực mà cả tâm lực nữa. Không thể coi thường hậu quả của sự mệt mỏi quá mức như vậy bởi vì lúc người này, lúc người khác đã quý xuống, mà có đứng dậy được cũng không thể đi nổi nữa. Phải lết hoặc bò. Rõ ràng là những người kiệt sức ấy sắp đến lúc không thể tiếp tục cuộc leo núi quá dài được.

Glenarvan kinh hãi nhìn cảnh tuyết trắng mênh mông làm cho vùng núi âm đạm này lạnh cứng, nhìn cảnh hoàng hôn bao phủ những đỉnh núi hoang vu, tim ông đau xót, ông đã tưởng chung quanh không có nơi nào

trú được. Bỗng thiếu tá nói bằng một giọng bình tĩnh:

- Có căn nhà kia!

✻

Giá là một người nào khác ở trường hợp của Mac Nabbs thì anh ta có đi qua căn nhà ấy cả trăm lần cũng chẳng nhận ra nó được. Căn nhà bị tuyết phủ gần như không phân biệt gì với những tảng đá bên cạnh. Phải đào hơi tuyết ra. Wilson và Mulradi mất nửa giờ lao động cật lực mới dọn được lối vào nhà và cả đội thám hiểm vội vàng chui vào trú chân.

Căn nhà do người da đỏ làm bằng "adobet" - gạch đất sét trộn rơm, đủ cho mười người ở rộng rãi..

Nhiệt kế chỉ âm mười độ. Glenarvan, Paganel và Wilson đi kiếm củi về nhóm lửa. Paganel mang theo khí áp kế. Ông thấy áp suất của cột thủy ngân tương ứng với độ cao ba ngàn năm trăm sáu mươi tám mét.

Mọi người đi ngủ, riêng Glenarvan không sao nhắm mắt được. Ông mơ ước thuyền trưởng Grant và hai thủy thủ của ông sẽ được cứu thoát khỏi cảnh giam cầm khổ ải.. Lòng ông tràn ngập lo âu.

Chợt ông cảm thấy có tiếng ầm ầm khủng khiếp từ đằng xa vọng đến giống như có tiếng sấm rền, nhưng không phải từ trên trời dội

xuống. Có lẽ bão đang nổi lên ở đâu đó trên các sườn núi ở phía dưới. Glenarvan muốn biết rõ điều đó nên đã ra đi khỏi nhà.

Bỗng tiếng âm âm khủng khiếp tựa như những chiếc xe kéo pháo rầm rầm chạy qua cầu. Glenarvan cảm thấy đất đang hẫng đi dưới chân mình, căn nhà bị lay chuyển, tường bị nứt ra.

- Báo động! - Ông kêu lên.

Các nhà thám hiểm vừa thức giấc đã bị xô ngã lên nhau và cứ thế tụt xuống sườn núi dốc đứng. Trong ánh sáng ban mai, trước mặt họ hiện ra một cảnh tượng khủng khiếp. Hình dạng núi bị biến đổi, những đỉnh núi bị vụn gãy, những tảng đá lác lư rồi biến mất như bị rơi rớt xuống hồ. Nguyên một dãy núi dài hàng mấy dặm đã bị chuyển dịch, trượt xuống đồng bằng. Hiện tượng này thường thấy ở núi Andes.

- Động đất! - Paganet kêu lên.

Tiếng ồn ào dưới lòng đất, tiếng âm âm của những tảng đá hoa cương và đá huyền vũ va đập vào nhau, những đám bụi tuyết bốc lên mịt mù làm cho họ không thể nào liên hệ được với nhau. Dãy núi trượt xuống lúc thì băng băng, lúc thì chao đảo y như con tàu chòng chành giữa biển khơi bão tố. Nó băng qua các vực thẳm cuốn phăng những cây cỏ

thụ và, tựa như một lưỡi hái khổng lồ, nó xén ngang tất cả những mỏm đá nhô ra trên sườn núi... Thậm chí khó mà tin tưởng được hết sức phá hoại của khối đá nặng hàng tỷ tấn đang lao xuống dốc năm mươi độ!

Không ai xác định được tai nạn khủng khiếp ấy đã kéo dài bao lâu? Không ai có thể nói được các nhà thám hiểm còn sống đủ không?

Bỗng có một lực xô mạnh không thể tưởng tượng được đã tách họ ra khỏi hòn đảo đang trượt, và họ tụt xuống theo các bậc sườn núi cuối cùng. Cả cao nguyên với bảy người trên đó bị dừng lại đột ngột.

Suốt mấy phút đầu không ai nhúc nhích. Cuối cùng, có ai đó đứng dậy, đó là thiếu tá. Sau khi đã dụi mắt, ông nhìn quanh. Những người cùng đi với ông nằm bất động bên nhau.



Đã tám giờ sáng, Glenarvan và những người bạn đường của ông, nhờ những cố gắng của thiếu tá, đã dần dần hồi tỉnh. Họ bị choáng váng nặng.

Thế là họ đã xuống đến chân núi Andes và thậm chí có thể ăn mừng chuyến vượt núi mà thiên nhiên tự đảm nhận ấy, nếu như không bị mất tích một thành viên trong đoàn, một người yếu đuối nhất và còn trẻ con: Robert Grant.

Mọi người, cả Paganel rất gắn bó với chú. Thiếu tá, mặc dù tính ông thận trọng, đều yêu mến chú bé dũng cảm, nhưng yêu chú hơn cả là Glenarvan. Khi biết tin Robert Grant bị mất tích, ông rụng rời tay chân. Ông hình dung chú bé xấu số đang nằm dưới đáy vực thẳm và kêu gọi ông, người cha thứ hai của chú, cứu giúp chú.

- Các bạn của tôi ơi! Các bạn của tôi ơi! - Glenarvan nói, khó khăn lắm ông mới kềm được nước mắt. - Cần phải đi tìm bằng được chú bé! Chúng ta không thể bỏ rơi chú bé như vậy! Chúng ta cần phải xem xét kỹ từng thung lũng, từng vực sâu. Hãy buộc dây dònng tôi xuống. Đó là ý muốn của tôi, các bạn có nghe thấy không? Miễn sao Robert còn sống là được! Mất chú ấy thì làm sao đi tìm cha của chú ấy được? Tìm cứu thuyền trưởng Grant mà lại phải trả giá bằng tính mạng của con trai ông thì còn ra nghĩa lý gì nữa.

Im lặng kéo dài mấy phút. Cuối cùng Mac Nabbs lên tiếng:

- Các bạn của tôi, có ai nhớ Robert bị biến mất lúc nào không?

Không có câu trả lời tiếp theo.

- Vậy thì ít nhất các bạn hãy cho biết trong lúc trượt xuống núi thì chú bé đi bên cạnh ai? - Thiếu tá hỏi tiếp.

- Chú ấy đi bên cạnh tôi. - Wilson nói.

- Anh còn nhìn thấy chú ta ở bên cạnh đến khi nào? Hãy cố nhớ lại xem... Nói đi kìa?

- Tôi nhớ được là, - Wilson đáp. - Trong chừng hai phút trước khi núi đang trượt và bị xô dừng lại thì Robert bám vào một đám rêu và vẫn ở bên cạnh tôi.

- Khoảng hai phút ư? Bạn nghĩ kỹ nhé, Wilson. Lúc ấy bạn có thể thấy mỗi phút lâu lắm đó. Bạn không nhầm đấy chứ?

- Tôi nghĩ rằng tôi không nhầm. Vâng, đúng là thế, khoảng hai phút, mà cũng có thể là ít hơn nữa.

- Cứ cho là như vậy. Thế lúc ấy Robert ở đâu? Bên phải hay bên trái bạn? - Mac Nabbs hỏi tiếp.

- Ở bên trái. Tôi vẫn nhớ chiếc puncho của chú ấy đã quết vào mặt tôi.

- Thế lúc ấy bạn ở bên phải hay bên trái của chúng tôi?

- Cũng ở bên trái.

- Như vậy là Robert có thể bị biến mất ở phía bên này, - thiếu tá nói, quay mặt về phía núi và chỉ về bên tay phải. Căn cứ vào thời gian lúc chú bé bị mất tích, thì chú ấy có thể bị sa xuống vực ở độ cao không quá bảy trăm mét. Chúng ta cần phải chia nhau ra, mỗi

người tìm một khu vực trên khắp vùng này và phải tìm thấy Robert.

Những người thám hiểm đã trèo lên các sườn núi bắt đầu tìm kiếm.

Gần một giờ chiều, Glenarvan và những người cùng đi đã phờ phạc, buồn chán, gặp lại nhau dưới thung lũng. Glenarvan vô cùng đau khổ. Ông hầu như không nói được, chỉ thở dài nhắc đi nhắc lại một câu:

- Tôi không đi khỏi đây nữa! Không!

- Không ai dám trái ý ông. Mọi người đều hiểu rằng ý nghĩ ấy bây giờ luôn ám ảnh tâm trí ông.

- Dừng lại đã. - Paganel nói với thiếu tá và Tom Austin. - Ta nghỉ ngơi một chút để lấy lại sức khỏe. Dù là tiếp tục tìm kiếm hay đi nữa thì cũng cần phải nghỉ đã.

- Vâng, - Mac Nabbs đáp, chúng ta hãy nghỉ lại đây vì Glenarvan muốn như vậy. Huân tước đang còn hy vọng.

Đêm xuống, vẫn lại yên tĩnh và bình thản y như đầu đêm trước. Mọi người đã đi nằm, nhưng không chợp mắt được, còn Glenarvan thì lại bỏ đi tìm Robert trên những sườn núi Cordilère. Ông chăm chú lắng nghe, hy vọng bắt được tiếng gọi của chú bé.

Trời đã sáng, mọi người đều khuyên Glenarvan tiếp tục cuộc hành trình. Nhưng

huân tước vẫn chưa chịu đi. Cuối cùng, Mac Nabbs, sau khi lấy ý kiến mọi người, đã kiên quyết tuyên bố rằng cần phải lên đường, nếu không tính mạng của mọi người trong đoàn sẽ bị đe dọa...

- Phải; phải, - Glenarvan lên tiếng, - chúng ta cần phải đi tiếp.

Nhưng ông đã nói điều ấy mà không nhìn Mac Nabbs. Tầm mắt của ông đã bị một chấm đen nào đó cao tít trên trời thu hút. Bỗng cánh tay ông giơ lên và sững lại.

- Kìa! Kìa! - Glenarvan kêu lên. - Các bạn nhìn kìa! Nhìn kìa!

Mọi người nhìn theo hướng chỉ của Glenarvan. Cái chấm đen cũng đã rõ dần ra, một con chim đang bay tít trên cao.

- Đó là chim thần ưng, - Paganel nói.

Paganel không nhầm chim thần ưng bay đến một lúc một rõ hơn. Loài ác diệu khổng lồ ấy từ lâu không chịu khuất phục trước bất cứ loài chim nào, và là chúa tể của vùng núi Cordilère này.

- Biết đâu đấy!... - Glenarvan nhắc lại, mắt vẫn không rời khỏi con chim lớn.

Thiếu tá và Wilson vợ lấy khẩu súng carbine của mình. Glenarvan ra hiệu ngăn họ lại. Thần ưng đang bay lượn trên vùng núi

hiềm trở cách chỗ các nhà thám hiểm gần một phần tư dặm.

- Đứng rồi kia! Kia!... Glenarvan kêu lên.

Bồng trong đầu ông thoáng ra ý nghĩ.

- Nếu Robert hãy còn sống... - Ông thét lên trong nỗi kinh hoàng, - con chim này... Hãy bắn đi các bạn, bắn nó đi!

Nhưng muộn mất rồi, thần ưng đã biến mất sau những mỏm đá cao. Một giây trôi qua, tưởng như một thế kỷ... Kia, con chim lại xuất hiện, nó bay chậm hơn, bị sức nặng trĩ xuống.

Có ai đó bật lên kinh hoàng: "Con thần ưng quắp một xác người chết - xác của Robert Grant".

- Ôi! - Glenarvan kêu lên. - Thà cho thân thể Robert bị đập vào đá còn hơn là...

Ông nói chưa dứt lời đã chộp lấy khẩu carbine của Wilson, giơ lên ngắm vào con thần ưng. Nhưng tay ông run quá, mắt bị mờ đi, nên ông không thể ngắm trúng được.

- Chú hãy để tôi, - thiếu tá nói.

Thiếu tá chưa kịp nhấn cò khẩu carbine thì dưới thung lũng đã vang lên một phát súng, làn khói trắng bốc cao giữa hai hòn núi đá. Con thần ưng bị trúng đạn vào đầu, lượn chậm lại, dang rộng đôi cánh, từ từ hạ xuống như một chiếc dù. Nó đã rơi xuống một cách

nhẹ nhàng cách bờ sông chừng ba mét, nhưng vẫn không buông con mồi.

- Chạy lên! Chạy lên! - Glenarvan hét to.

Và chưa cần kịp xem phát súng cứu nguy ấy từ đâu bắn lên, huân tước bổ ngay đến con thằn lằn. Con chim đã chết, còn xác của Robert thì hầu như bị đôi cánh rộng của chim che khuất.

Glenarvan chạy ngay lại chỗ chú bé, gỡ quần áo chú ra khỏi vuốt con thằn lằn, rồi đặt chú lên cỏ và áp tai vào ngực cái xác bất động.

Chưa bao giờ thấy có ai reo lên sung sướng như Glenarvan lúc này:

- Còn sống! Còn sống!

Rất nhanh, mọi người cởi quần áo cho Robert, và nước mát lên mặt chú. Chú khẽ cựa quậy, mở mắt nhìn và thốt lên:

- Ôi huân tước... cha của con!...

Glenarvan nghẹn ngào, xúc động không nói nên lời. Ông quỳ xuống bên cạnh chú bé đã được cứu sống một cách thần kỳ và khóc lên sung sướng.

6. NHỮNG CON SÓI NAM MỸ

Trừ người được cứu sống, các nhà thám hiểm đã nhớ đến người cứu Robert và tất nhiên, thiếu tá là người đầu tiên nảy ra ý nghĩ quan sát xung quanh.

Ông thấy một người mặc y phục da đỏ đeo súng đứng ở dưới chân núi, cách sông chừng năm mươi thước.

Thiếu tá vừa nhìn thấy người Patagonia bèn chỉ cho Glenarvan biết. Ngài huân tước chạy ngay lại chỗ anh ta. Người Patagonia bước lên hai bước. Glenarvan nắm tay anh ta siết chặt.

Người Patagonia chăm chú nhìn những người nước ngoài, nhưng nói gì thì chẳng ai hiểu được. Tuy nhiên, qua những câu nói của người thổ dân, Glenarvan thấy có gì giống tiếng Tây Ban Nha. Ông biết một số từ phổ thông của thứ tiếng này.

- Espanol? - Ông hỏi.

Người Patagonia gật đầu.

- Tốt lắm! - Thiếu tá nói, - bây giờ đến việc của ông bạn Paganel. Hay quá, ông ta đã nghĩ ra việc học tiếng Tây Ban Nha!

Glenarvan đặc biệt vui mừng khi biết người da đỏ có tên Thalcave, là người dẫn đường chuyên nghiệp ở vùng thảo nguyên Nam Mỹ. Ông càng tin tưởng rằng sẽ cứu được thuyền trưởng Grant.

Các nhà thám hiểm cùng với người da đỏ quay trở lại chỗ Robert. Chú bé chỉ tay về phía người thổ dân và anh ta lặng lẽ áp tay lên đầu chú. Anh ta xem qua người Robert, nấn những chỗ bị thương, rồi nhòèn miệng cười đi ra bờ sông hái mấy nắm lá mang về xoa bóp lên người chú bé. Sau khi được xoa bóp hết sức kỹ lưỡng, chú bé thấy khỏe ra và rõ ràng là chỉ nghỉ ngơi vài giờ nữa là chú sẽ đứng lên được.

Thalcave đảm nhận công việc dẫn đường và trang bị cho đoàn thám hiểm những thứ cần thiết.

Paganel gắn bó với người da đỏ như hình với bóng. Ông học ở anh ta một số tiếng Tây Ban Nha.

· Một hôm Thalcave hỏi:

- Các ông đi tìm tù binh phải không?

- Phải. - Pagarel đáp.

- Các ông tìm dọc theo tuyến đường từ mặt trời lặn sang nơi mặt trời mọc phải không? - Thalcave vừa nói, vừa ra hiệu chỉ từ hướng tây sang hướng đông.

- Đứng thế! Đứng thế!

Glenarvan hỏi Thalcave xem anh ta có biết chuyện người nước ngoài bị những người da đỏ vùng thảo nguyên bắt giữ hay không? Paganel định hỏi câu ấy và đợi trả lời.

- Có thể. - Thalcave đáp.

Câu trả lời được dịch ngay sang tiếng Anh và bầy nhà thám hiểm vây quanh người dân đường, dán mắt nhìn anh ta.

- Người tù binh đó là ai? - Paganel hỏi.

- Đó là một người nước ngoài châu Âu. - Thalcave đáp.

- Anh có nhìn thấy người ấy không?

- Không, nhưng tôi nghe những người da đỏ nói về ông ta. Đó là một người có trái tim của một "con bò đực".

- Cha cháu đó! - Robert kêu lên. Rồi quay về phía Paganel, chú bé hỏi: - Tiếng Tây Ban Nha nói "đó là cha cháu" thì nói thế nào, thưa bác.

- Es mio padre! - Nhà địa lý đáp.

Robert liền nắm tay Thalcave nói:

- Es mio padre!

- Suvo padre! Người Patagonia ngạc nhiên và ánh mắt anh ta tươi tỉnh hẳn lên. Thalcave ôm chú bé, khẽ nâng chú lên yên ngựa và nhìn chú với vẻ tò mò, thân ái.

Gương mặt thông minh, bình tĩnh của người da đỏ biểu lộ sự thông cảm.

Paganel đã hỏi và được biết người Âu ấy đang bị người da đỏ ở vùng giữa Rio - Colorado và Rio - Negro bắt giữ.

- Nhưng thời gian gần đây nhất người Âu ấy ở đâu? - Paganel hỏi.

- Ở nhà thủ lĩnh Calfoucura, - Thalcave trả lời.

- Có gần tuyến đường ta đi mấy hôm rồi không?

- Rất gần.

- Thế thì thủ lĩnh ấy là người thế nào?

- Ông ta là thủ lĩnh bộ lạc da đỏ, người có hai cái lưỡi, hai quả tim.

- Anh muốn nói rằng, người thủ lĩnh ấy, từ lời nói đến việc làm đều xảo trá. - Paganel giải thích.

- Vậy chúng tôi có thể cứu bạn của chúng tôi được không? - Nhà địa lý hỏi.

- Có thể được chứ, nếu người da đỏ còn giam giữ ông ta.

- Thế anh nghe nói về ông ấy hồi nào?

- Lâu rồi. Từ đó đến nay ông mặt trời đã hai lần sai mùa hè đến thảo nguyên Nam Mỹ này.

Niềm vui của Glenarvan không sao tả

xiết. Thời gian mà Thalcave nói trùng hợp với thời gian trong bức thư. Chỉ còn lại một điều hỏi thêm Thalcave nữa thôi và Paganel đã làm ngay việc đó.

- Anh nói về một người tù, - ông nói, - chứ không phải ba người à?

- Tôi không biết.

- Thế anh có biết hiện nay người tù ấy ra sao không?

- Tôi không biết.

Qua lời của Thalcave thì rõ ràng những người da đỏ đã nghe nói về một người Âu bị bắt cóc. Thời gian bị bắt, nơi bị giam, thậm chí câu nói đầy hình ảnh của Thalcave về sự dũng cảm của ông ta, tất cả đều nói lên rằng đó chính là thuyền trưởng Grant.

Ngày hôm sau, 25 tháng mười, những người thám hiểm, với niềm phấn khởi mới, tiếp tục đi về hướng đông.

❦

Họ đến được hồ Saline. Hóa ra hồ đã cạn khô. Họ phải quyết định chia làm hai nhóm. Những ai ngựa còn đi được thì tiếp tục cuộc hành trình dọc theo vĩ tuyến 37. Những ai ngựa còn khỏe hơn thì vượt lên trước tìm sông Guamini, cách đây chừng ba mươi một dặm. Nếu ở đây nước nhiều thì nhóm thứ hai dừng lại đợi nhóm thứ nhất. Nếu sông

Guamini cũng đã cạn thì họ trở lại để nhóm thứ nhất khỏi mất công đi.

Robert hết sức năn nỉ Glenarvan để được đi tiên trạm và thế là nhóm thứ hai gồm Glenarvan, Robert và Thalcave.

Tối hôm ấy, họ dừng chân trong một lán trại của những người chần gia súc bỏ hoang trên đồng cỏ.

Glenarvan, Robert, đuổi thẳng mình ngủ say sưa. Bầy ngựa mệt nhọc cũng lăn ra đất ngủ. Riêng con Thauka của người dân đường, đúng là con ngựa nòi vẫn ngủ đứng, còn Thalcave thì thao thức.

Nhưng khoảng mười giờ khuya, người da đỏ thức giấc. Vừa hé mắt anh ta đã cảnh giác lắng nghe một tiếng gì đó. Thoáng cái trên gương mặt bình thản của anh hiện lên nỗi lo lắng bồn khoăn. Phải chăng, anh ta đã nghe thấy tiếng những người du mục da đỏ đang lén lút rình mò, hoặc tiếng gầm của những con mãnh thú thường gặp ở gần sông? Có lẽ như vậy thật, nên anh ta càng lo lắng hơn.

Thalcave chỉ còn biết đợi sự việc xảy đến. Và anh ta đã chờ đợi trong tư thế sẵn sàng đối phó với bất kỳ hiểm họa nào.

Một giờ trôi qua... Trong lúc Thalcave lắng nghe và lo lắng nhìn quanh thì con Thauka bỗng hí lên ồm ồm. Thalcave chồm dậy.

- Thauka đã đánh hơi thấy nguy hiểm, -
Thalcave lồm bồm và bước ra quan sát cánh
đồng cỏ.

Anh thấy có những bóng đen từ khắp các
phía đang lạng lẽ đến gần. Thalcave đã nhận
ra kẻ thù. Anh nấp đạn vào súng và nép vào
cửa, sẵn sàng bắn trả. Thalcave không phải
đợi lâu. Trên thảo nguyên vang lên những
tiếng kêu lạ lùng, không ra tiếng sủa, cũng
không ra tiếng tru. Đáp lại tiếng ấy là một
phát súng carbin và tiếp theo là những tiếng
rú rít khủng khiếp, dường như phát ra từ
hàng trăm cổ họng.

Glenarvan và Robert bất ngờ thức giấc,
đứng phất dậy.

- Có chuyện gì xảy ra thế? - Robert la lên.

- Aguara?

- Aguara? Glenarvan nhắc lại.

Robert nhìn Glenarvan với ý dò hỏi.

- Phải, - Glenarvan trả lời, - những con
sói vùng thảo nguyên Nam Mỹ.

Hai người xách súng đi lại phía người da
đỏ. Thalcave lạng lẽ chỉ nhìn ra đồng cỏ, nơi
có tiếng tru ồm ồm vắng đến. Robert bất giác
lùi lại sau một bước.

- Cháu không sợ chó sói đấy chứ? -
Glenarvan hỏi.

- Cháu không sợ đâu! - Robert nói, -
chúng ta có súng tốt, cứ để chúng đến xem.

- Chúng ta sẽ nghênh tiếp chúng ra trò.

Nói điều đó Glenarvan muốn trấn tĩnh chú bé, nhưng bản thân ông, tự sâu trong đáy lòng mình không phải là không sợ.

Khi Thalcave nhắc đến từ "aguara", Glenarvan hình dung ra ngay con thú dữ ấy. Nó bằng một con chó to, đầu giống con cáo, lông hung vàng, cõn trên lưng, dọc theo xương sống có một cái bờm dài. Những con aguara đói thậm chí chúng dám tấn công cả đàn súc vật lớn để gây ra không ít thiệt hại. Nếu chỉ một con sói thì không đến nỗi nào, nhưng cả bầy sói đói thì rất nguy hiểm.

Khi nghe tiếng rú rít và nhìn thấy vô số những bóng đen chạy trên đồng cỏ, Glenarvan không thể ngờ được rằng bên bờ sông Guamini lại có đàn sói đông đến thế. Những con thú dữ này đã đánh hơi thấy mùi béo bở - thịt ngựa và thịt người, nên con nào cũng muốn xé mang về hang những miếng mùi ngon ấy. Tình thế càng trở nên đáng ngại hơn.

Hai người vừa lên đạn khẩu súng carbine, định bắn vào bầy sói đầu tiên, bỗng Thalcave lạng lẽ giơ tay ngăn họ lại.

- Thalcave muốn gì vậy? - Robert hỏi.

- Anh ta không cho hấn bắn.

- Vì sao?

- Có lẽ vì chưa đúng lúc.

Nhưng không phải thế, mà vì một lý do quan trọng hơn khiến người da đỏ hành động như vậy. Thalcave mở và đưa cho Glenarvan thấy bao thuốc súng gần như rỗng tuếch.

- Ta phải tiết kiệm đạn thôi. Cuộc đi săn hôm nay tốn mất khá nhiều đạn, ta còn ít chì và thuốc súng lắm. Không còn đủ hai mươi phát đạn nữa đâu...

- Cháu không sợ chứ, Robert?

- Không, thưa huân tước.

- Thế thì tốt, tốt lắm, cháu ạ!

Vừa lúc đó một phát súng vang lên. Thalcave đã hạ tại chỗ một địch thủ hung bạo nhất. Bầy sói chùn bước và cụm lại với nhau cách hàng rào một trăm bước. Người da đỏ ra hiệu cho huân tước thế chỗ của anh ta. Còn anh ta thì đi lượm tất cả những thứ gì cháy, được xếp thành đống rồi ném vào đó một cục than hồng. Lát sau ngọn lửa bùng lên giăng thành một vệt dài sáng rực màn đêm chắn ngang cửa trại... Tuyến lửa do Thalcave vừa đốt lập tức ngăn chặn bầy thú dữ lại và do đó càng làm cho chúng hung hãn hơn. Vậy mà vẫn có vài con xông vào lửa và bị bỏng. Thỉnh thoảng lại có một phát súng nổ kìm chân bầy sói và một giờ sau có chừng 15 con bỏ xác trên đồng cỏ.

Sau khi bình tĩnh suy xét tình hình, Glenarvan nói với Thalcave:

- Rồi sẽ đến lúc hết đạn và hết lửa. Tất nhiên chúng ta không thể chờ đợi mà phải có cách giải quyết ngay mới được.

- Phải cố gắng giữ cho đến sáng. Bầy aguara chỉ đi kiếm mồi về đêm, đến sáng lại trở về hang. Đó là loài thú rất sợ ánh sáng ban ngày, y như cú vọ vậy, chỉ khác là có bốn chân mà thôi. - Thalcave chỉ dẫn.

- Vậy thì chúng ta sẽ tự vệ cho đến sáng.

Trong khi đó, phương tiện tự vệ cạn dần. Khoảng hai giờ sáng, Thalcave ném vào lửa những bó cỏ cuối cùng, đạn chỉ còn lại cả thảy năm viên.

Glenarvan buồn rầu ngó quanh.

Lửa tắt dần. Đồng cỏ chìm sâu vào trong bóng tối. Trong đêm lại lóe lên những đôi mắt lân tinh của bầy sói. Chỉ mấy phút nữa thôi cả bầy sói lớn ấy sẽ xông vào cửa trại. Thalcave bắn viên đạn cuối cùng kết liễu một con sói nữa. Hết đạn, người Patagonia khoanh hai tay trước ngực. Anh gục đầu xuống dường như suy nghĩ điều gì.

Đến đây, bầy sói bỗng đổi hướng tấn công. Chúng bắt đầu lui ra xa và tiếng tru cũng im bật. Đồng cỏ im ắng trở lại.

- Bầy sói đi rồi! - Robert thốt lên.

- Có thể như thế, - Glenarvan lên tiếng, vẫn chăm chú lắng nghe.

Thalcave biết hai người nói gì, nên lắc đầu nguây nguây. Người Patagonia hiểu rõ bầy thú chưa chịu rời miếng mồi ngon chừng nào trời chưa sáng.

Nhưng chiến thuật của địch thủ rõ ràng đã thay đổi, chúng không xông vào lối cửa trại nữa, mà vòng ra phía sau, dùng vuốt cạy phá hàng rào gỗ mục.

Thalcave lao vào chuồng ngựa, đến bên con Thauka đang run lên vì sốt ruột chờ đợi chủ. Anh ta bắt đầu đóng yên cẩn thận, không bỏ sót một dây đai nào. Glenarvan kinh hoàng nhìn người Patagonia.

- Anh ta định phó mặc mình cho số phận đây! - Ông thốt lên khi thấy Thalcave sắp sửa nhảy lên yên ngựa.

- Thalcave ấy à? Không bao giờ! - Robert nói.

Và đúng như vậy, người da đỏ không định bỏ rơi bạn bè, mà đang tính chuyện cứu họ.

- Hãy để tôi đi! - Glenarvan kêu lên, giằng lấy dây cương trong tay Thalcave. - Còn anh hãy cứu thằng bé! Tôi giao nó cho anh, Thalcave!

Glenarvan trong lúc xúc động đã nói lẫn cả tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh. Nhưng ngôn ngữ bây giờ có ý nghĩa gì đâu! Trong phút giây hiểm nghèo như thế này, người ta đều diễn đạt bằng cách ra hiệu và lập tức hiểu nhau ngay.

Thalcave khẳng khẳng giữ ý mình lại giằng co với anh ta. Ai cũng đòi hy sinh để cứu người khác.

Bỗng huân tước Glenarvan bị gạt sang một bên, con Thauka phóng vọt về phía trước, bay qua hàng rào lửa và xác những con sói. Cùng lúc ấy một giọng trẻ con vắng lại:

- Cầu trời phù hộ cho ngài huân tước!

- Trước mắt Glenarvan và Thalcave, Robert đang cúi rạp trên mình Thauka lao đi và biến mất đi trong bóng đêm...

- Robert, khôn khổ cho cháu! - Glenarvan kêu lên.

Nhưng tiếng kêu ấy thậm chí người da đỏ cũng không nghe thấy vì tiếng rú của bầy sói lại vang lên khùng khiếp. Bầy sói đuổi theo ngựa, chúng lao như điên về phía tây. Thalcave và Glenarvan từ trong trại chạy ra. Trên đồng cỏ yên tĩnh trở lại. Glenarvan buồn rầu vật vã, ngã lăn xuống đất. Ông ngược nhìn Thalcave. Anh ta cười với vẻ bình tĩnh vốn có của mình.

- Thauka là một con ngựa cừ. Chú bé thật là dũng cảm, chú ta sẽ thoát nạn.

Thalcave nhắc đi nhắc lại như vậy và gặt đầu khẳng định những lời mình nói.

- Thế lẽ Robert ngã thì sao!

- Không ngã được đâu!

Mặc dù Thalcave vững tin như vậy, nhưng Glenarvan vẫn suốt đêm lo âu, sợ hãi. Ông thậm chí không hề nghĩ rằng bấy chó sói đi rồi là ông thoát nạn. Ông muốn phóng đi tìm Robert. Người da đỏ không cho ông đi và bảo ông rằng với những con sói còn lại thì chẳng thể nào đuổi kịp Robert được, rằng Thauka tất nhiên là bỏ xa các địch thủ của mình. Tóm lại, theo anh ta khẳng định thì cần phải đợi đến sáng, mà chỉ có khi đó mới tìm Robert được.

Trời bắt đầu hừng sáng. Chẳng bao lâu hai kỵ sĩ đã phi nước đại thẳng về hướng tây, đón tốp kia. Suốt một giờ họ vừa phi ngựa vừa đưa mắt tìm Robert, ai cũng sợ phải nhìn thấy cái xác dẫm máu của chú. Glenarvan thúc ngựa phóng dữ dội. Bỗng họ nghe tiếng súng bắn như làm tín hiệu.

- Họ đấy! - Glenarvan thốt lên.

Cả hai người càng thúc ngựa nhanh hơn. Mấy phút sau họ đã gặp toán của Paganel. Glenarvan kêu lên: Robert đây rồi, còn sống

nguyên vẹn, đang cưỡi con Thauka tuyệt diệu!
Con ngựa hớn hờ hí vang khi nhìn thấy chủ.

- Ô, chú bé của tôi! - Glenarvan nói với niềm triu mến không sao tả xiết.

Rồi ông và Robert cùng xuống ngựa ôm chàng cổ lấy nhau. Sau đó, đến lượt người da đỏ ghì chặt vào ngực mình đưa con trai của thuyền trưởng Grant.

- Con còn sống! - Glenarvan reo lên.

- Vâng, - Robert đáp lại, - nhờ con Thauka đó!

Nhưng trước khi người da đỏ nghe được những lời biết ơn ấy, anh ta đã cảm ơn con ngựa mình, anh ta nói chuyện với nó, hôn nó, dường như con vật cao thượng ấy cũng mang dòng máu người vậy.

Rồi Thalcave quay sang Paganel.

- Một chú bé dũng cảm! - Anh ta chỉ Robert nói.

- Con của ta, con hãy nói, vì sao con không để cho ta và Thalcave thực hiện ý đồ ấy để cứu con? - Glenarvan ôm chặt Robert vào lòng hỏi.

- Thừa huân tước, - chú bé trả lời, giọng chú vang lên lòng biết ơn nồng nhiệt. - Có lẽ nào cháu lại không cần phải hy sinh cho bản thân mình? Thalcave đã cứu sống cháu, còn huân tước thì đang cứu sống cha cháu mà!

7. Ở ĐỒN ĐỘC LẬP

May sao, sông Guamini chảy qua gần đây. Đoàn thám hiểm thúc ngựa chạy nhanh về hướng sông lấy nước. Chuẩn bị vượt qua những cánh đồng Argentine để đến Tandil, một vùng núi ở phía nam tỉnh Buenos - Aires. Trung tâm địa hạt này là thị trấn Tandil nằm dưới chân núi Bắc, dưới sự bảo vệ của đồn Độc Lập. Nơi đây có con sông Chapaleofu chảy qua làm cho thị trấn tăng thêm vẻ hữu tình. Thị trấn có một đặc điểm mà Paganel không thể không biết đến là ở đây có cả người Pháp và người Ý cư trú. Tandil cũng là nơi buôn bán khá sầm uất. Khi kể về điều ấy, Paganel nói thêm rằng tại vùng này chắc chắn có thể hỏi dân địa phương điều gì đó về thuyền trưởng Grant. Hơn nữa, trong đồn lại luôn luôn có một đơn vị lính quốc gia. Glenarvan ra lệnh gửi ngựa vào chuồng của một quán trọ nhìn bên ngoài khá lịch sự, sau đó, ông, Paganel, thiếu tá và Robert cùng Thalcave đi đến đồn Độc Lập. Paganel yêu cầu được gặp viên chỉ huy đồn Manuel.

Viên trung sĩ hỏi khách gặp ông ta có việc gì?

Thế là có điều kiện thuận lợi để hỏi han mọi việc. Nhiệm vụ ấy Paganel đảm nhiệm. Ông bắt đầu kể bằng tiếng Pháp cho viên đồn trưởng nghe về cuộc hành trình của họ qua những vùng thảo nguyên Nam Mỹ... thiếu tá Mac Nabbs tranh thủ hỏi ngay viên trung sĩ xem ông ta có biết chuyện một số người Âu đang bị bắt giam tại nhà của một viên thủ lĩnh người da đỏ vùng thảo nguyên Nam Mỹ không?

Manuel suy nghĩ vài phút như hồi tưởng lại điều gì đó, rồi nói:

- Vâng, có nghe...

- Cách đây vài năm... - Viên trung sĩ bắt đầu nói. - Vâng... có những tù binh người Âu... Nhưng tôi chưa bao giờ nhìn thấy cả...

- Sao lại vài năm? - Glenarvan ngắt lời ông ta. - Ngài nhầm đó, Britania bị mất tích vào tháng sáu năm 1862. Có nghĩa là cách đây chưa đầy hai năm.

- Ô, hơn chứ, thưa ngài huân tước!

- Không thể thế được. - Paganel kêu lên.

- Không, đúng mà, dạo ấy thằng Pepe nhà tôi mới sinh mà...! Họ có hai người thôi.

- Không phải, ba người - Glenarvan xen vào.

- Hai người. - Viên trung sĩ khẳng khẳng.

- Hai người à? - Glenarvan hết sức ngạc nhiên hỏi lại. - Hai người Anh phải không?

- Hoàn toàn không đúng. - Viên trung sĩ đáp, - chẳng có người Anh nào cả! Một là người Pháp, còn người kia là người Ý.

- Người Ý đã bị người da đỏ Poyuches giết ấy phải không? - Paganel thốt lên.

- Phải... Rồi sau đó, theo tôi biết, người Pháp đã chạy thoát.

- Đã chạy thoát! - Robert sững sốt.

- Phải, đã thoát, ông ta trốn thoát, - viên trung sĩ khẳng định.

Mọi người đưa mắt nhìn Paganel, ông ta thất vọng dăm vào trán mình.

- Bây giờ tôi mới hiểu, - cuối cùng Paganel nói. - Tất cả đều được giải thích, tất cả đều đã rõ!

- Nhưng là chuyện gì thế? - Glenarvan sốt ruột hỏi.

- Các bạn của tôi ơi! - Paganel vừa nói vừa cầm tay của Robert. - Chúng ta đành phải chấp nhận sự thất bại cay đắng, chúng ta đã đi nhầm đường! Ở đây sự việc hoàn toàn không phải nói về thuyền trưởng Grant, mà nói về một đồng bào của tôi tên Marco Vazelo, mà bạn của anh ta là người Ý nọ, đã bị người da đỏ bộ lạc Poyuches giết thật rồi.

Tưởng rằng chúng ta đang lần theo dấu vết của Harry Grant, hóa ra chúng ta lại lần theo dấu vết của chàng thanh niên Guinnard.

Glenarvan nhìn Thalcave với vẻ chán nản.

- Ngài không khi nào nghe nói về ba người Anh bị bắt sao? - Thalcave hỏi viên trung sĩ.

- Chưa bao giờ, - Manuel đáp, - nếu có thì ở Tandil đây người ta đã biết... Tôi biết... Không, không có chuyện đó.

Sau lời khẳng định ấy. Glenarvan không còn biết làm gì ở đồn Độc Lập này nữa. Ông và những người cùng đi cảm ơn viên trung sĩ, bắt tay ông ta và ra đi.

Glenarvan thất vọng, thấy mọi hy vọng của mình đã tiêu tan. Robert lặng lẽ đi bên ông, nước mắt đầm đìa. Glenarvan không tìm được lời lẽ để an ủi chú bé. Paganel vừa đi vừa hươ tay, lẩm bẩm nói chuyện một mình. Thiếu tá không mở miệng. Còn Thalcave, anh ta thấy bị chạm lòng tự ái, vì đã dẫn người ngoại quốc đi mà không tìm ra được dấu tích.

Thật ra, làm sao có thể hy vọng tìm được dấu tích của thuyền trưởng Grant ở giữa vùng núi Sieradel Tandil và đại dương này? Tất nhiên là không rồi. Nếu có một người châu Âu nào sa vào tay người da đỏ ở vùng biển Đại Tây Dương thì đương nhiên viên trung sĩ

Manuel đã biết. Một sự kiện như thế không thể thoát khỏi sự chú ý của thổ dân thường xuyên buôn bán với cả Tandil lẫn Carmen ở gần cửa sông Rio Negro. Còn các thương gia vùng đồng bằng Argentine thì biết đủ điều và kháo nhau đủ chuyện. Do vậy, các nhà thám hiểm chỉ còn mỗi một cách là mau chóng tìm về con tàu Duncan đang đợi họ ở núi Medano như đã hẹn.

Tuy nhiên, Paganel vẫn yêu cầu Glenarvan xem lại lá thư. Nhà địa lý đọc đi đọc lại lá thư với vẻ bực tức không nén nổi. Ông dường như muốn moi ra từ trong bức thư một lời giải thích mới.

- Nhưng mà lá thư đã quá rõ rồi còn gì? - Glenarvan nhắc lại - Thư đã khẳng định tàu Britania bị nạn và thuyền trưởng Grant bị bắt giữ mà.

- Nhưng tôi bảo không phải thế! - Paganel dấm tay xuống bàn đáp.

- Glenarvan, thiếu tá, Robert và tất cả các bạn của tôi hãy nghe đây! Chúng ta đang tìm thuyền trưởng Grant nơi không có ông ta.

- Ngài nói sao? - Glenarvan kinh ngạc.

- Không những không có, mà không bao giờ có cả. - Paganel nói thêm.

Mọi người sững sốt trước những lời bất ngờ ấy.

- Ngài hãy giải thích về ý nghĩ của mình xem, ngài Paganel, - Mac Nabbs yêu cầu. - Nhưng phải bình tĩnh hơn mới được.

- Vâng, tôi cho rằng - Paganel nói, từ Austral trong thư là một từ không được đầy đủ như trước đây chúng ta đã phỏng đoán, còn gốc từ Australie có nghĩa là nước Úc.

- Thế mới hay đấy! - Thiếu tá lên tiếng.

- Hay à? - Glenarvan nhún vai. - Nhưng chuyện không thể đơn giản thế đâu.

- Không thể? - Paganel kêu lên. - Nước Pháp chúng tôi không thừa nhận cái từ ấy.

- Sao? - Glenarvan nói tiếp bằng một giọng hoàn toàn mất tin tưởng, - Ngài định căn cứ vào bức thư để quả quyết rằng tàu Britania đã bị nạn ở vùng biển Australie?

- Paganel bị chạm tự ái.

- Nếu ngài thừa nhận từ Austral nghĩa là nước Úc, thì ngài phải thừa nhận sự tồn tại của người da đỏ ở đó, mà ở đó chưa bao giờ có người da đỏ cả.

Paganel mỉm cười, không chút tỏ ra phật ý trước lời kết luận ấy, dường như ông ta đã chờ đón ý đó.

- Glenarvan thân mến, nhà địa lý nói, xin ngài đừng vội đắc thắng, ngay bây giờ tôi sẽ bác bỏ lập luận của ngài...

- Tôi sẽ rất vui. Xin ngài cứ bác bỏ ý kiến của tôi!

- Vâng, các bạn hãy nghe đây! Trong thư ít nói đến người da đỏ, cũng như nước Patagonia. Mấy chữ rời rạc Indi không có nghĩa là indiens - người da đỏ. Mà là indigènes nghĩa là thổ dân. Còn việc Australie có thổ dân thì tôi tin rằng ngài cho là đúng chứ!

Phải thừa nhận rằng đến đây thì Glenarvan nhìn nhà địa lý một cách chăm chú hơn.

Paganel đặc chí nhấn mạnh:

- Điều quan trọng là từ austral chỉ rõ đó là nước Úc. Giá hồi ấy ngài Glenarvan không làm cho tôi rối trí với những lời giải thích sai lệch của mình thì tôi đã đi đúng hướng ngay từ đầu rồi! Nếu tự tôi tìm hiểu bức thư ấy thì không bao giờ tôi hiểu sai lạc đâu!

Những câu nói của Paganel được tán thưởng bằng những tiếng reo hoan hô. Austin, các thủy thủ, thiếu tá và nhất là chú bé Robert hạnh phúc vừa được khích lệ bởi niềm hy vọng mới, đều đã vỗ tay hoan hô nhà bác học đáng kính.

Glenarvan dần dần nhận ra cái sai của mình và tuyên bố sẵn sàng chịu thua cuộc.

- Tôi hỏi một câu nữa, Paganel thân mến,
- huân tước nói, - vậy bây giờ ta đọc toàn bộ

bức thư ấy theo lời giải thích mới của ngài thế nào đây?

- Chuyện ấy đơn giản thôi. Ta hãy xem bức thư đây, - Paganel vừa đáp, vừa lấy tờ giấy quý báu mà ông đã miệt mài nghiên cứu mấy hôm nay. Và đọc lên như sau:

“Ngày 7 tháng sáu năm 1862, chiếc tàu ba cột buồm Britania đi từ cảng Glasgow đã bị nạn sau...”

Chỗ này, nếu các bạn muốn thì có thể để thêm từ như “hai ngày”, “ba ngày” hoặc đơn giản là “thời gian hấp hối lâu” thế nào cũng được. - “Ở gần bờ biển nước Australie. Hai thủy thủ và thuyền trưởng Grant đã tìm cách lên bờ”... hoặc “đã vào được bờ, ở đó “họ sẽ bị” hoặc “đã bị những người thổ dân hung bạo bắt làm tù binh”... Như thế đã rõ chưa nào?

- Rõ! Các bạn ơi! Tôi chỉ còn biết nói với các bạn một điều là lên đường đi Australie! Trời sẽ phù hộ chúng ta! - Glenarvan nói.

- Đi Australie! - Những người cùng đi đồng thanh hô lên theo ông.

8. TRỞ LẠI TÀU DUNCAN

Sau khi xác định hướng đi mới, đoàn thám hiểm quyết định tìm đường ra Đại Tây Dương, đến nơi tàu Duncan đã hẹn đợi.

Sau những ngày đi đường bị lũ lụt vô cùng vất vả có lúc lại gặp cá sấu, mọi người phải trèo lên cây sống như chim, đêm hôm ấy họ ra đến bờ biển. Glenarvan bồn chồn suốt đêm không ngủ. Ông và nhà địa lý dũi tìm trong đêm tối ánh sáng đèn pha của tàu Duncan. Nhưng không thấy gì. Đến tảng sáng, Glenarvan bỗng kêu to khiến mọi người thức giấc.

- Duncan! Duncan!

- Hoan hô, hoan hô! - Những người cùng đi vừa reo, vừa đổ xô ra bờ biển.

Con tàu thấp thoáng ngoài khơi cách bờ chừng năm hải lý. Nó cuốn buồm, chạy chậm bằng hơi nước. Khói tàu tan lẫn trong sương.

Lúc ấy, Thalcave đã nạp đạn khẩu carbin và bắn về phía tàu. Mọi người bắt đầu lắng nghe, chủ yếu là dũi nhìn. Tiếng vọng nhắc lại ba lần tiếng súng của người da đỏ.

Cuối cùng, trên boong tàu xuất hiện một làn khói trắng.

- Họ đã nhìn thấy chúng ta! - Glenarvan reo to. - Đó là khẩu đại bác của Duncan đã nhả đạn.

Vài giây sau, một tiếng nổ ầm vang vào bờ. Duncan vòng trở lại và tăng tốc độ, hướng vào mục tiêu vừa phát hiện. Lát sau, qua ống kính quan sát, Glenarvan thấy chiếc xuồng được hạ trên mạn tàu xuống.

Huân tước bước lại phía Thalcave đang khoanh tay chéo trước ngực đứng cạnh con Thauka của mình và nhìn đại dương nổi sóng. Ông nắm tay người da đỏ chỉ về phía Duncan nói:

- Bạn đi với chúng tôi nhé!

Anh bạn da đỏ lắc đầu.

- Đi với chúng tôi nhé, bạn! - Glenarvan nhắc lại.

- Không, - Thalcave mềm mỏng trả lời. - Ở đây là Thauka, đằng kia là thảo nguyên, - anh ta nói thêm và đưa tay về phía những đồng cỏ bao la với một tình yêu mãnh liệt.

Glenarvan hiểu rằng, anh bạn da đỏ không bao giờ chịu rời đồng cỏ, nơi tổ tiên anh yên nghỉ. Ông chỉ bắt tay Thalcave thật chặt. Ông cũng không nài ép Thalcave ngay cả khi anh ta cười từ chối không nhận khoản tiền công của mình với lời lẽ chân tình:

- Hữu nghị thôi mà!

Glenarvan chỉ còn biết tặng anh chàng người da đỏ tấm ảnh của Helena.

- Vợ ngài à? Đẹp quá!

Thalcave trùi mền nhận tấm ảnh.

Robert, Paganel, thiếu tá, Tom Austin và hai người thủy thủ lần lượt chia tay Thalcave một cách cảm động. Những con người đáng yêu này đều đã ngậm ngùi khi phải từ giã người bạn dưng cảm, trung thành. Người da đỏ lần lượt ghi chặt tất cả họ vào khuôn ngực nở nang của mình. Paganel tặng anh tấm bản đồ Nam Mỹ và hai đại dương mà anh bạn người Patagonia ấy đã nhiều lần xem một cách thích thú.

Nhà địa lý đã cho đi cái mà ông yêu quý nhất. Robert chẳng có gì để tặng ngoài sự trùi mền và chú đã nồng nhiệt biểu hiện sự trùi mền ấy đối với người đã cứu sống mình. Chú cũng không quên chia sẻ một phần tình cảm trùi mền đối với con ngựa Thauka.

Chiếc xuồng của tàu Duncan đã cặp bờ. Sau khi lách bơi giữa hai bãi bồi, chiếc xuồng trườn lên bờ cát.

Mọi người ôm hôn lần cuối cùng người da đỏ. Thalcave tiễn những người bạn của mình đến tận chiếc xuồng đã được đưa xuồng nước.

Lúc Robert ngồi vào xuồng, người da đỏ còn ôm chú lần nữa và âu yếm nhìn chú nói:

- Nên biết rằng bây giờ chú đã là một người đàn ông rồi đấy!

- Tam biệt nhé, tạm biệt! - Glenarvan nhắc lại.

- Có khi nào chúng ta còn gặp nhau nữa không đây! - Paganel nói.

- Quien sabe - Thalcave vừa trả lời vừa giơ tay chỉ lên trời.

Đây là những lời cuối cùng của người da đỏ. Những lời ấy đã bị tiếng gió át đi.

Chiếc xuồng bị con nước cuốn ra khơi mỗi lúc một xa hơn. Hình bóng bất động của Thalcave vẫn còn in mãi trên những con sóng bạc đầu. Nhưng dần dần hình bóng ấy nhỏ đi và cuối cùng hoàn toàn biến mất trong con mắt của những người bạn mà anh ta đã ngẫu nhiên gắn chung số phận.

Một giờ sau, Robert là người đầu tiên đặt chân lên thang tàu Duncan và nhảy bổ đến ôm lấy cổ Mary Grant trong tiếng hoan hô vui mừng nổi lên chung quanh.

Cuộc hành trình qua Nam Mỹ theo một đường thẳng đã kết thúc như vậy đó.

Trong những phút đầu tiên, mọi người chỉ biết hân hoan tay bắt mặt mừng. Glenarvan không muốn cuộc vui bị mất, nên ông không dă động gì đến sự thất bại của việc tìm kiếm.

- Chúng ta tin tưởng sẽ thành công, các

bạn của tôi ạ! - Ông nói. Chúng ta tin! Thuyền trưởng Grant hiện không có mặt với chúng ta, nhưng chúng ta hoàn toàn tin rằng sẽ tìm thấy thuyền trưởng.

Lời lẽ của Glenarvan rất thuyết phục, khiến trái tim của Helena và Mary Grant lại ấm lên niềm hy vọng.

Thật vậy, trong lúc chiếc xuồng bơi gần về tàu, huân tước phu nhân và Mary Grant đã trải qua biết bao nỗi hồi hộp. Họ đứng trên tầng lái đếm đi đếm lại những người ngồi trong xuồng. Cô gái lúc thì thất vọng lúc thì trái lại, tưởng tượng như đang nhìn thấy cha. Trái tim cô rung động. Cô không đủ sức thốt lên được lời nào và bước đi không vững nữa. Huân tước phu nhân phải dìu cô, John Mangles im lặng đứng bên cô chăm chú nhìn. Đôi mắt thủy thủ của anh ta từng quen phân biệt những vật ở đằng xa, nhưng đã không tìm thấy thuyền trưởng Grant đâu.

- Cha kia rồi! Cha đang về cùng với họ! Cha ơi! - Cô gái thì thào.

Nhưng chiếc xuồng càng về gần thì ảo giác của cô càng tiêu tan. Đến khi chiếc xuồng chỉ còn cách con tàu một cabeltove thì không những huân tước phu nhân và John Mangles mà cả Mary đều tiêu tan hết mọi niềm hy vọng. Những lời khích lệ của Glenarvan đã vang lên thật là đúng lúc.

Sau những cái ôm hôn đầu tiên, Glenarvan kể cho Helena, Mary và John Mangles về tất cả những gì xảy ra với họ trong thời gian thám hiểm, và chủ yếu là về lời giải thích mới trong nội dung bức thư mà Jacques Paganel khẩn tiếp đã đưa ra. Glenarvan rất khen ngợi Robert và cam đoan với Mary rằng cô hoàn toàn có quyền tự hào về cậu em trai của mình. Ông đã kể lại sự dũng cảm và sự hy sinh quên mình của chú bé trong những giờ phút nguy hiểm và khen ngợi chú bé đến mức chú phải bối rối.

- Việc gì mắc cỡ, Robert? - John Mangles nói. - Em đã xử sự như một đứa con trai xứng đáng của thuyền trưởng Grant kia mà!

Vừa nói John Mangles vừa kéo cậu em của Mary vào lòng, hôn vào hai má cậu hãy còn ướt nước mắt của người chị gái.

Mac Nabbs, ngay sau những lời chào hỏi đầu tiên, đã trở về phòng mình và bắt đầu cạo râu như chẳng có gì xảy ra. Còn Paganel thì, như một con ong hút mật, lượn đi lượn lại từ người này sang người khác để đón nhận những lời khen ngợi và những nụ cười.

Chàng đầu bếp trên tàu ấy đã tìm được cách duy nhất để tạ ơn nhà bác học về sự lịch thiệp của ông là báo tin cho mọi người biết bữa ăn sáng đã được dọn sẵn.

- Ăn sáng ư? - Nhà địa lý hỏi.

- Vâng, thưa ngài Paganel.

- Một bữa ăn sáng thật sự, có bàn đàng hoàng, có bộ đồ ăn và khăn ăn?

- Tất nhiên, thưa ngài Paganel!

- Và không cho chúng tôi ăn thịt khô, trứng luộc và thịt đà điều chứ?

- Ô, thưa ngài! Anh chàng đầu bếp trên tàu bị chạm tự ái, nói với vẻ trách móc.

- Tôi không muốn xúc phạm bạn đâu, nhà bác học cười nhận xét, nhưng mà đó là món ăn thường xuyên của chúng tôi trong suốt thời gian một tháng trời qua. Và khi ăn, chúng tôi đâu có được ngồi vào bàn tử tế, phải nằm trên đất, hoặc ngồi vắt vẻo trên cây mà ăn.

- Thế thì ta đi nào, thưa ngài Paganel, rồi chúng ta sẽ tin đó là sự thật. Huân tước phu nhân nói, không nén nổi tiếng cười.

- Xin phép được mời bà. - Nhà địa lý lịch sử nói với Helena.

- Thưa huân tước, ngài có lệnh gì cho tàu Duncan không ạ? - John Mangles hỏi.

- Sau khi ăn sáng, John Mangles thân mến ạ, - Glenarvan đáp, - chúng ta sẽ cùng bàn kế hoạch cho một cuộc hành trình mới.

Sau bữa ăn, mọi người nghe Paganel thuyết trình về chặng đường mới và Glenarvan đã ra lệnh cho thuyền trưởng John nhổ neo. Chẳng bao lâu Duncan đã rẽ sóng rời bờ biển châu Mỹ đi về hướng đông.

9. AYRTON

Châu Mỹ cách nước Australie, hay nói đúng hơn mũi Corrientes cách mũi Bernouilli 196° và bằng 11.760 hải lý. Từ bờ biển châu Mỹ đến các hòn đảo Tristan - D'Acunha là 2100 hải lý. Chặng đường này John Mangles hy vọng vượt qua trong mười ngày, nếu như trên đường không bị vướng gió đông. Chàng thuyền trưởng trẻ gặp may. Đến chiều, gió bắt đầu dịu đi rõ rệt và sau đó đổi hướng. Biển lặng sóng và Duncan đã có thể phát huy hết mọi khả năng tuyệt vời của nó...

Duncan lần lượt vượt qua các đảo Tristan - D'Acunha, ghé lại mũi Hảo Vọng để lấy thêm than dự trữ, rồi băng qua đảo Amsterdam, lướt trên Ấn Độ Dương và cập mũi Bernouilli thuộc Australie.

Điều quan tâm đầu tiên của John Mangles là thả hai mỏ neo ở độ sâu mười mét rưỡi. Đáy biển ở đây rất tốt - toàn sỏi cứng - giữ neo chắc chắn. Như vậy là con tàu không sợ bị cuốn ra biển cũng không sợ bị mắc cạn.

Glenarvan bắt tay chàng thuyền trưởng trẻ và nói:

- Cảm ơn John.

Từ trên tàu, chiếc xuồng được hạ xuống. Glenarvan, Helena, John Mangles, Mac Nabbs, Paganel, Mary và Robert ngô vào xuồng và bắt đầu cuộc tìm kiếm trên mặt biển những dấu tích của tàu Britania. Nhưng kết quả không đem lại niềm hy vọng nào.

Đoàn thám hiểm lên bờ biển hoang vắng. Họ đi bộ, trèo lên núi và từ đó nhìn xuống xung quanh, cách đó ba dặm, cối xay gió đang quay tít trong không khí. Họ đi về phía đó.

Sau nửa giờ đi bộ, địa hình ở đây thấy thay đổi hẳn. Một hàng rào cây xanh vây quanh một vùng đất dường như mới vừa được khai khẩn.

Đi được một quãng họ thấy những cánh đồng lúa mì có chỗ đã chín vàng. Rồi sau những hàng rào là cây ăn trái. Kế đến là nhà kho và các căn nhà phụ khác được sắp xếp một cách khéo léo. Cuối cùng, các nhà thám hiểm thấy một căn nhà ở đơn sơ nhưng ấm cúng, trên đó những cánh quạt của chiếc cối xay gió đang quay tít.

Nghe tiếng bốn con chó sủa báo hiệu có người lạ đến, một người chừng năm mươi tuổi, với vẻ bề ngoài dễ mến, từ trong nhà đi ra. Đi theo ông là năm đứa con trai khỏe, đẹp và một người phụ nữ thân hình cao lớn, lực lưỡng, mẹ của những đứa trẻ.

Các nhà thám hiểm chưa kịp tự giới thiệu đã thấy vang lên những lời lẽ chân thành của chủ nhà.

- Xin mời những người nước ngoài quá bộ vào nhà của Paddy O'Moore!

- Ông là người Irlande? - Glenarvan vừa hỏi vừa bắt tay chủ nhà.

- Trước thì thế, - Paddy O'Moore đáp, - còn bây giờ tôi là người Australie. Chưa biết các ngài là ai cũng cứ xin mời vào và tự nhiên như ở nhà cho.

Những người khách chỉ còn biết đón nhận lời mời chân tình không chút khách khí ấy.

Chủ nhà mời khách dùng cơm. Ông chủ tỏ ra rất niềm nở. Vừa lúc ấy, những người làm công của chủ trại cũng đã về. Họ được bình đẳng với chủ và cùng ngồi ăn cơm.

Trong khi ăn, chủ và khách sôi nổi chuyện trò. Paddy O'Moore kể về lai lịch của mình, đó là câu chuyện của một người lưu vong bị cảnh bản cùng phải xa lìa quê hương đến đây làm ăn sinh sống.

Nghe xong câu chuyện của Paddy O'Moore, Glenarvan muốn kể cho ông nghe về tàu Duncan, về những cuộc tìm kiếm kiên trì và vất vả bấy lâu nay. Nhưng vốn là người luôn luôn đi thẳng tới mục đích, nên trước hết ông đã hỏi Paddy O'Moore xem có biết gì về tai nạn của tàu Britania không?

Hóa ra người Irlande này không hề biết gì về một chiếc tàu như thế. Và nói chung trong hai năm gần đây ông ta không nghe nói xảy ra một vụ đắm tàu nào ở mũi Bernouilli và vùng lân cận cả, hướng hồ Britania lại mới bị nạn cách đây chưa đầy hai năm. Người Irlande còn khẳng định chắc chắn rằng không có một người nào bị trôi giạt vào vùng duyên hải phía tây này hết.

Nỗi thất vọng bắt đầu xâm chiếm những con người độ lượng, dũng cảm của tàu Duncan đã bao ngày hoài công lặn lội tìm đến những vùng bờ biển xa xôi như thế này. Bỗng có ai đó nói:

- Hãy cầu chúa đi, ngài huân tước, nếu thuyền trưởng Grant còn sống thì ông ta đang ở Australie.

✻

Không thể tưởng tượng những lời nói ấy đã gây nên sự ngạc nhiên như thế nào. Glenarvan đứng bật dậy, đẩy chiếc ghế và nói:

- Ai vừa nói đấy nhỉ?

- Tôi, một trong số những người làm của Paddy O'Moore ngồi ở cuối bàn đáp.

- Anh à, Ayrton? - Người lưu vong sững sốt, không kém gì Glenarvan.

- Vâng, tôi - Ayrton đáp lại bằng một giọng xúc động, nhưng kiên quyết. - Tôi cũng

là một người Scotland như ngài, thừa huân tước, và tôi là một trong những người bị nạn trên tàu Britania.

Lời tuyên bố ấy đã gây ấn tượng không sao tả xiết. Mary Grant gần như ngất đi vì xúc động và hạnh phúc, gục đầu vào ngực huân tước phu nhân Helena. John Mangles, Robert, Paganel đứng phất dậy nhào tới người mà Paddy O'Moore vừa gọi là Ayrton.

Anh ta chừng bốn mươi lăm tuổi, gương mặt khắc khổ, đôi mắt sáng ẩn sâu dưới đôi mày rậm. Tuy gầy gò, nhưng anh ta hẳn là đã có một sức mạnh khác thường. Anh ta có đôi vai rộng, người tầm thước, phong thái nom thông minh, kiên quyết và đầy nghị lực.

Thoạt nhìn, Glenarvan và các bạn ông đã thấy được điều đó. Con người Ayrton làm cho người ta kính trọng. Glenarvan thể hiện những tình cảm chung đã hỏi anh ta đủ điều. Cả hai người, Glenarvan và Ayrton, có lẽ điều xúc động trước cuộc gặp gỡ này, vì vậy những câu hỏi của Glenarvan lúc đầu khá lộn xộn.

- Anh là một trong hai người bị nạn trên tàu Britania? - Glenarvan hỏi.

- Vâng, thừa huân tước, tôi là hoa tiêu của thuyền trưởng Grant.

- Anh đã thoát nạn trong lúc tàu bị đắm cùng với họ?

- Không, thưa huân tước, không! Trong giờ phút khủng khiếp ấy tôi bị sóng cuốn đi khỏi boong tàu và bị trôi giạt lên bờ.

- Có lẽ anh không phải là người trong số hai thủy thủ được nhắc đến trong thư?

- Không ... Tôi không ngờ có bức thư ấy. Thuyền trưởng đã bỏ thư xuống biển khi tôi không còn ở trên tàu nữa.

- Nhưng tình hình thuyền trưởng ra sao?

- Tôi cho rằng ông ta đã bị chìm, mất tích, cùng với cả đội thủy thủ của tàu Britania. Tôi thấy hình như chỉ có mình tôi là thoát nạn.

- Nhưng anh đã nói thuyền trưởng Grant còn sống kia mà!

- Không, tôi đã nói nếu thuyền trưởng Grant còn sống...!

- Và anh đã nói thêm thì ông ta đang ở Australie!

- Vâng, ông ta chỉ có thể ở đây thôi.

- Có nghĩa là anh không biết rõ ông ta đang ở đâu?

- Không biết, thưa huân tước. Tôi nhắc lại: tôi cho rằng ông ta đã bị sóng nhận chìm hoặc là đã bị va vào đá chết. Do huân tước nói nên tôi mới biết là ông ta vẫn còn sống.

- Như vậy anh có biết gì thêm không?

- Chỉ biết một điều là nếu thuyền trưởng Grant còn sống thì ông ta đang ở Australie.

- Thế tai nạn xảy ra ở đâu? - Thiếu tá Mac Nabbs hỏi.

Ayrton đã trả lời câu hỏi của Mac Nabbs như sau:

- Khi tôi bị sóng cuốn khỏi boong tàu, lúc ấy, tôi đã hạ buồm xuống, thì tàu Britania bị giật vào bờ biển Australie, còn cách đó chưa đầy hai cabeltove. Và tàu đã bị đắm ở đó.

- Thế tàu bị đắm vào lúc nào?

- Đêm 27 tháng sáu năm 1862.

- Đúng vậy! - Glenarvan kêu lên.

- Thưa huân tước, ngài thấy đó, tôi có cơ sở để cho rằng, nếu thuyền trưởng Grant còn sống thì cần phải tìm ông ta trên lục địa Australie và không phải ở đâu khác nữa.

- Chúng tôi sẽ tìm ông ta, sẽ tìm được ông ta và sẽ cứu ông ta, anh bạn của tôi ạ! - Paganel thốt lên. - Chà, thật là một tài liệu quý báu, - nhà địa lý nói với vẻ hồn nhiên chưa từng thấy.

Nhưng, những lời ấy của Paganel tất nhiên là không ai nghe thấy cả: Glenarvan và huân tước phu nhân, Mary và Robert - mọi người đã vây quanh Ayrton và tranh`nhau bắt tay anh ta.

Dường như sự có mặt của người ấy là đảm bảo chắc chắn cho việc tìm cứu được thuyền trưởng Grant. Nếu trong khi tàu đắm có một thủy thủ còn sống sót, thì tại sao thuyền trưởng lại không thể thoát nạn? Ayrton đã nhắc lại rằng rất có thể thuyền trưởng còn sống như anh ta. Nhưng thuyền trưởng đang ở đâu thì anh ta không thể nói được. Tuy nhiên, không còn nghi ngờ gì nữa, thuyền trưởng đang ở một nơi nào đó trên lục địa này thôi.

Người hoa tiêu ấy đã trả lời tất cả những câu hỏi hoàn toàn chính xác và rõ ràng. Trong lúc anh ta nói, Mary đã nắm lấy tay anh ta. Vì đây là một người bạn đường của cha cô, một trong số những thủy thủ của tàu *Britania* kia mà! Anh ta đã cùng sống với Harry Grant, cùng đi trên mặt biển, cùng vượt qua những khó khăn nguy hiểm... và Mary đã khóc vì sung sướng, mắt không rời gương mặt khắc khổ của người hoa tiêu.

Suốt từ nãy đến giờ không có ai nảy ra ý nghĩ rằng con người tự xưng là hoa tiêu ấy có đúng thực hay không? Và nói chung là có thể tin được lời của anh ta không? Chỉ có thiếu tá và có thể cả John Mangles nữa, là còn phân vân. Cuộc gặp gỡ với anh ta quả là bất ngờ, đến nỗi có thể gây nên một số điều đáng nghi nào đó. Đúng là Ayrton có nói đến những sự

việc và con số hoàn toàn phù hợp với những điều đã được biết trong lá thư và đã giải thích thêm những tình tiết mới lạ. Nhưng những tình tiết, cho dù chính xác đi nữa, vẫn không làm cho câu chuyện có thể tin cậy được.

Còn nói về John Mangles thì khi viên hoa tiêu bắt đầu kể với cô gái trẻ về người cha của cô, lập tức mọi sự nghi ngờ của anh ta đều tan hết. Rõ ràng là viên hoa tiêu trước đây đã biết cả Mary lẫn Robert, bởi vì anh ta đã từng gặp chúng ở cảng Glasgow trước khi tàu Britania nhổ neo. Ayrton nhắc lại cho Mary biết, anh ta đã cùng với hai chị em cô có mặt trong bữa ăn sáng chia tay do thuyền trưởng chiêu đãi bạn bè trên boong tàu của mình. Đạo ấy, Robert hơn mười tuổi, được giao cho thủy thủ trưởng Dick Turner trông nom, nhưng chú đã vùng bỏ chạy và leo trèo khắp chỗ trên tàu.

- Đúng, đúng! - Robert xác nhận.

Ayrton đã nhắc lại nhiều sự việc như thế. Và cứ mỗi lần anh ta dừng lại thì Mary khẩn khoản yêu cầu:

- Ông Ayrton kể nữa đi, kể nữa đi, cho chúng cháu nghe về cha của chúng cháu.

Ayrton đã kể lại toàn bộ hành trình của Britania trên Thái Bình Dương. Có nhiều điều anh ta nói Mary đã được biết, bởi vì

những tin tức về tàu vẫn có đều đặn cho đến tận tháng năm năm 1862. Trong thời gian ấy. Harry Grant đã đến nhiều đảo. Chính quyền Anh sợ tại đã gây cho ông đủ mọi trở ngại. Nhưng thuyền trưởng Grant cũng đã tìm được trên bờ biển phía Tây Guinee những vùng đất thích hợp. Ông thấy có thể lập ra một vùng di cư dân Scotland ở đó và vùng này nhất định sẽ phồn thịnh.

Sau khi hoàn thành việc khảo sát vùng New Guinee, Britania đã đi Callao để bổ sung dự trữ thực phẩm và nhiên liệu. Ngày 30 tháng năm năm 1862, nó đã rời cảng và đi châu Âu qua Ấn Độ Dương và vòng quanh mũi Hảo Vọng. Britania ra biển được ba tuần thì một trận bão khủng khiếp đã làm cho tàu không điều khiển được nữa và phải chặt bỏ các cột buồm. Suốt cả tuần lễ Britania trở thành thứ đồ chơi cho bão biển vờn giỡn. Nước trong hầm tàu lên đến một mét tám. Tàu bị chìm dần. Các xuồng đều bị bão giạt vỡ. Trong khi cái chết không tránh khỏi đang đe dọa phái đoàn thủy thủ thì bỗng đêm rạng ngày 27 tháng sáu họ thấy xuất hiện vùng duyên hải phía đông Australie. Chẳng bao lâu Britania đã bị quăng lên bờ với một sức mạnh khủng khiếp. Ayrton bị sóng cuốn vào vùng nước xoáy và ngất đi. Khi tỉnh dậy anh ta thấy mình bị những người thổ dân bắt giữ.

Họ đưa Ayrton vào sâu trong đất liền. Từ đó đến nay anh ta không hay biết gì về Britania và hoàn toàn có căn cứ để đoán rằng nó đã bị va vào dải đá ngầm ở Twofold - Bay và đã bị đắm cùng với đoàn thủy thủ và hàng hóa.

Đến đây 'kết thúc' phần chuyện có liên quan đến thuyền trưởng Grant. Vì vậy, mọi người đã yêu cầu Ayrton kể về quãng đời nhiều lưu của anh ta. Anh ta đã làm việc ấy rất đơn giản và ngắn gọn.

Người thủy thủ thoát nạn ấy sau khi bị một bộ lạc thổ dân bắt giữ, đã bị đưa sâu vào nội địa, ở vùng châu thổ sông Darling, cách vĩ tuyến 37 chừng bốn trăm dặm về phía bắc. Anh ta đã sống ở đó trong cảnh thiếu thốn nặng nề, bởi vì bản thân bộ lạc đó cũng nghèo đói. Anh đã quyết định chạy trốn, mặc dù biết rằng như vậy sẽ vô cùng nguy hiểm.

Một đêm tháng mười năm 1864, Ayrton đã đánh lừa được những người thổ dân và trốn thoát vào rừng rậm mênh mông. Cuối cùng bị kiệt sức gần như sắp chết, anh ta đã lê được đến nhà ông Paddy O'Moore mền khách này đây. Anh ta xin ở lại làm việc và sống lại cuộc đời hạnh phúc.

- Nếu Ayrton hài lòng về tôi, - người Irlande lưu vong nói, khi viên hoa tiêu vừa kể xong, - thì cần phải nói rằng tôi cũng hài lòng về anh ta. Anh ta là một người thông

minh dũng cảm, một người làm việc tốt, và nếu anh ta muốn thì mái nhà của Paddy O'Moore sẽ mãi mãi là của anh ta.

Ayrton cúi mình tạ ơn người Irlande và bắt đầu chờ đợi những câu hỏi khác.

Glenarvan định phác thảo một kế hoạch hành động mới dựa theo tình hình mà Ayrton vừa cung cấp, nhưng lúc ấy thiếu tá đã quay sang hỏi anh ta.

- Anh đã làm hoa tiêu trên tàu Britania?

- Vâng. - Ayrton đáp không cần suy nghĩ.

Biết rằng câu hỏi của Mac Nabbs là biểu hiện ý nghi ngờ cuối cùng, nên anh ta đã nói thêm: - Tôi còn giữ được nguyên vẹn bản hợp đồng làm việc trên tàu.

Và Ayrton đi lấy ngay bản hợp đồng ấy. Anh ta vắng mặt không đầy một phút, nhưng Paddy O'Moore đã kịp nói với Glenarvan:

- Thưa huân tước, ngài hãy tin tôi, Ayrton là một người lương thiện. Qua hai tháng anh ta làm việc ở đây, tôi hoàn toàn không có điều gì phải trách cứ anh ta. Về việc anh ta đã bị đắm tàu và bị bắt thì tôi đã được anh ta kể trước đó rồi. Đó là một người chắc chắn xứng đáng với sự tin cậy của ngài.

Vừa lúc ấy viên hoa tiêu đã trở lại và đưa cho Glenarvan bản hợp đồng đã được ký kết đúng thể lệ quy định. Bản hợp đồng do chủ

tàu Britania - thuyền trưởng Grant, ký tên. Mary nhận ra ngay nét chữ của cha. Bản hợp đồng được xác định rằng: "Tom Ayrton, thủy thủ hạng nhất, đã được nhận vào làm hoa tiêu trên tàu ba cột buồm Britania.

- Làm sao tìm được dấu tích của thuyền trưởng Grant và hai thủy thủ còn sống sót trên lục địa mệnh mông này? - Glenarvan băng khoăn.

- Còn bây giờ, chúng ta quyết định ngay những việc cần làm.

- Ông Ayrton, theo ông thì nên quyết định như thế nào? - Huân tước phu nhân Helena quay sang hỏi viên hoa tiêu.

- Thưa phu nhân, tôi sẽ quay về Duncan và đi thẳng đến nơi xảy ra đắm tàu, - Ayrton đáp với vẻ linh hoạt. - Còn ở đó sẽ hành động phù hợp với tình huống và biết đâu lại chẳng gặp cơ hội may mắn nào đó.

- Tuyệt lắm! - Glenarvan nói, - nhưng có điều là phải đợi sửa chữa xong Duncan đã.

- À, vậy là tàu của ngài có chỗ bị hư? - Ayrton hỏi.

- Vâng. - John Mangles lên tiếng.

- Có nặng không?

- Không, nhưng muốn sửa chữa phải có thiết bị, mà tàu chúng tôi lại không có. Chân

vật có một cánh bị cong và chỉ có thể đến Melbourne mới sửa được.

- Vậy thì cứ để cho Duncan đi Melbourne, - Paganel tham gia. - Còn chúng ta đi đến vịnh Twofold - Bay bằng cách khác.

- Bằng cách nào? - John Mangles muốn biết.

- Chúng ta đi qua Australie như đã đi qua Nam Mỹ, cứ bám sát theo vĩ tuyến 37 mà đi.

- Thế còn Duncan? - Ayrton hỏi với một vẻ quan tâm hơi đặc biệt.

- Duncan sẽ đến với chúng ta, hoặc chúng ta sẽ đến với nó, tùy theo tình huống. Nếu trên đường đi mà tìm thấy thuyền trưởng Grant thì chúng ta sẽ cùng ông quay trở lại Melbourne. Nếu chúng ta phải kéo dài cuộc tìm kiếm tận vùng duyên hải thì Duncan sẽ đến đó đón chúng ta. Có ai không tán thành kế hoạch này không? Ý bác thế nào, thiếu tá?

- Không ai phản đối, - Mac Nabbs trả lời, - nhưng có điều là liệu chuyến đi vượt qua Australie có thể thực hiện được không?

- Được lắm chứ, vì thế tôi đề nghị cho huân tước phu nhân và Mary cùng đi với chúng ta, - nhà bác học nói.

- Ngài nói điều ấy nghiêm chỉnh đấy chứ, Paganel? - Glenarvan hỏi.

- Hoàn toàn nghiêm chỉnh, thừa huân tước thân mến. Chặng đường vượt này khoảng 350 dặm gì đó. Mỗi ngày đi 12 dặm thì chúng ta đi chưa đầy một tháng, tức là bằng đúng thời gian dùng để sửa chữa tàu Duncan. Còn vĩ tuyến 37 thì đi qua tỉnh Victoria, qua các lãnh địa của Anh, hầu như nơi nào cũng có dân cư, đường xá, xe lửa. Một cuộc thám hiểm như vậy thậm chí có thể thực hiện được bằng xe ngựa. Giống như một cuộc dạo chơi từ London đến Edimbourg mà thôi, không hơn đâu.

- Thế thú dữ thì sao? - Glenarvan hỏi, muốn đề phòng trước mọi điều.

- Ở Australie không có thú dữ... Còn ở châu Âu thì không được mấy nơi như vậy. Thế nào, ta quyết định rồi chứ?

- Ý em sao, Helena? - Glenarvan quay sang hỏi vợ.

- Ý em cũng giống ý mà mỗi người chúng ta đều sẵn sàng nói ra, anh Edward thân yêu ạ, - Helena vừa trả lời vừa quay về phía các nhà thám hiểm khác. - Lên đường! Lên đường thôi!